

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI
KHOA SƯ PHẠM

TRẦN MỸ ANH

NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
CHO HỌC SINH LỚP 1 TRONG DẠY HỌC VĂN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN: Th.S TRẦN PHƯƠNG THANH

Hà Nội, ngày tháng năm

i

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trong khóa luận là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm

Tác giả khóa luận

Trần Mỹ Anh

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của mình tới giảng viên Ths. Trần Phương Thanh, người đã tận tình hướng dẫn tôi thực hiện và hoàn thành khóa luận.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban giám hiệu, Phòng đào tạo, các thầy cô giáo là cán bộ giảng viên của khoa Sư phạm nói riêng và trường đại học Thủ đô Hà Nội nói chung đã tạo điều kiện cho tôi được làm khóa luận, trực tiếp giảng dạy, đóng góp ý kiến và hỗ trợ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Xin được gửi lời cảm ơn chân thành tới Ban giám hiệu, các thầy cô giáo và các em học sinh tại trường tiểu học Nghĩa Tân (Cầu Giấy, Hà Nội), đã tạo điều kiện cho tôi khảo sát để có được những số liệu trung thực phục vụ nghiên cứu.

Trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu, dù đã rất cố gắng nhưng do năng lực có hạn nên có những điểm tôi vẫn chưa khai thác hết được, đề tài vẫn còn nhiều thiếu sót và hạn chế. Vì vậy, kính mong nhận được sự tham gia đóng góp ý kiến của các quý thầy cô, các chuyên gia và các bạn quan tâm để đề tài ngày một hoàn thiện hơn.

Một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Sinh viên

Trần Mỹ Anh

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Kí hiệu	Chú giải
NXB	Nhà xuất bản
GV	Giáo viên
HS	Học sinh
SGK	Sách giáo khoa
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
HĐTNST	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
HĐGD	Hoạt động giáo dục
KN	Kĩ năng
GQVĐ	Giải quyết vấn đề

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	9
3. Phạm vi nghiên cứu	5
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	6
5. Đối tượng nghiên cứu	6
6. Phương pháp nghiên cứu	6
7. Cấu trúc của đề tài	7
NỘI DUNG	8
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI	8
1.1. Cơ sở lý luận của đề tài	8
1.1.1. Khái quát về phần Âm vần trong dạy Tiếng Việt ở Tiểu học	8
1.1.2. Khái quát về hoạt động trải nghiệm	13
1.1.3. Một số đặc điểm nổi bật của học sinh lớp 1	23
1.2. Cơ sở thực tiễn của đề tài	26
1.2.1. Khảo sát chương trình sách giáo khoa	26
1.2.2. Thực trạng dạy và học Âm vần mới ở trường Tiểu học.....	28
1.2.3. Thực trạng của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh Tiểu học trong dạy học Âm vần hiện nay	36
Tiểu kết chương 1	39
CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH LỚP 1 TRONG DẠY HỌC ÂM VẦN	40
2.1. Yêu cầu khi tổ chức hoạt động trải nghiệm	40

2.1.1. Đảm bảo khung logic của các hoạt động trong một chủ đề hoạt động trải nghiệm.....	41
2.1.2. Đảm bảo sự trải nghiệm của học sinh	40
2.1.3. Đảm bảo môi trường để học sinh sáng tạo	41
2.2. Quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Âm vân.....	43
2.3. Một số hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Âm vân.....	42
2.3.1. Tổ chức hoạt động trải nghiệm bằng hình thức đóng vai	44
2.3.2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm bằng hình thức sân khấu hóa	45
2.3.3. Tổ chức hoạt động trải nghiệm bằng cách sử dụng các tình huống giao tiếp giả định..	47
2.3.4. Tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài không gian lớp học	49
Tiểu kết chương 2	54
CHƯƠNG 3: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM	55
3.1. Mục đích	55
3.2. Địa điểm và thời gian	55
3.3. Đối tượng	55
3.4. Nội dung	55
3.5. Kết quả	63
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	64
KẾT LUẬN	65
TÀI LIỆU THAM KHẢO	67
PHỤ LỤC	69

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1. Chương trình giáo dục phổ thông nước ta đang từng bước chuyển mình từ giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực của người học. Để đảm bảo được điều đó, cần chuyển từ phương pháp dạy học theo “lời truyền thụ một chiều” giáo viên nói còn học sinh lắng nghe sang dạy cách học, cách vận dụng kiến thức, kĩ năng, hình thành năng lực và phẩm chất của người học, lấy người học làm trung tâm còn giáo viên chỉ hỗ trợ truyền đạt kiến thức. Và một trong những cách học phát huy được hết tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh chính là học thông qua trải nghiệm.

Học thông qua trải nghiệm là một phương pháp học tích cực phù hợp với mọi môn học, đặc biệt là môn Tiếng Việt nhằm phát triển cho học sinh những năng lực đặc thù của môn học. Phương pháp dạy học trải nghiệm là một phương pháp tiếp cận chính cho việc học là lấy người học làm trung tâm, lôi cuốn học sinh vào các hoạt động tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và đưa ra quyết định trong từng hoàn cảnh cụ thể. Phương pháp này tạo cho người học cơ hội củng cố và tổng kết lại những ý tưởng và kĩ năng của mình thông qua việc phản hồi, phân tích, chiêm nghiệm cũng như ứng dụng những ý tưởng, kĩ năng đã tiếp thu trong những tình huống mới. Thông qua hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nguồn kiến thức học sinh thu được hết sức phong phú, không chỉ trong sách vở, từ thầy cô mà còn từ thực tế khiến việc học trở nên gắn bó với đời sống. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo trước đây đã được biết đến chủ yếu ở các trường đại học, đó là những chuyến đi thực tế của sinh viên để làm sáng tỏ những kiến thuyết lí thuyết mà sinh viên đã được học. Các trường phổ thông vài năm gần đây đã bắt đầu chú ý tới học qua trải nghiệm. Tuy nhiên các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường vẫn còn mang tính hình thức do chưa nắm vững quy trình của việc học thông qua trải nghiệm, hiểu đơn giản về hoạt động trải nghiệm nên phần lớn chỉ dừng lại ở việc đi thực tế để rõ hơn các vấn đề mới chỉ được tiếp cận từ sách vở.

Hoạt động trải nghiệm trong dạy học sẽ đặt người học – đối tượng của hoạt động dạy học đồng thời là chủ thể của hoạt động học tập - vào những tình huống của đời

sống thực tế. Nội dung cơ bản của chương trình Hoạt động trải nghiệm xoay quanh các mối quan hệ giữa cá nhân học sinh với bản thân; giữa học sinh với người khác, cộng đồng và xã hội; giữa học sinh với môi trường; giữa học sinh với nghề nghiệp. Nội dung này được triển khai qua 4 nhóm hoạt động chính: Hoạt động phát triển cá nhân, hoạt động lao động, hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng, hoạt động hướng nghiệp. Học sinh được trải nghiệm, trực tiếp quan sát, thảo luận, giải quyết vấn đề theo cách nghĩ của riêng mình vừa thông qua làm việc cá nhân, vừa phải làm việc nhóm; từ đó đạt được kiến thức mới, kỹ năng mới nhằm hình thành và phát triển năng lực của bản thân. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo giúp tạo điều kiện cho học sinh tiếp xúc và mở rộng ứng dụng thực tế, trải nghiệm được nhiều vấn đề trong các hoạt động xã hội đồng thời gây hứng thú trong học tập. Với học sinh lớp 1- lớp đầu cấp Tiểu học, hoạt động trải nghiệm cũng có vai trò to lớn trong việc phát triển năng lực cá nhân cho học sinh.

2. Tiếng Việt là một trong những môn học quan trọng và cần thiết nhất ở bậc Tiểu học. Bên cạnh việc học toán để phát triển tư duy logic, việc học tiếng Việt sẽ giúp các em hình thành và phát triển tư duy ngôn ngữ. Thông qua môn Tiếng Việt, các em sẽ được học cách giao tiếp, truyền đạt tư tưởng, cảm xúc của mình một cách chính xác và biểu cảm. Tiếng Việt sẽ dạy trẻ biết cách giao tiếp, ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ với gia đình, xã hội, biết sống tích cực, chủ động trong mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh. Có thể nói, Tiếng Việt không những là “công cụ của tư duy” mà còn bước đệm để hình thành nhân cách của một đứa trẻ.

Việc dạy Âm vần có vị trí vô cùng quan trọng trong việc góp phần hình thành cho học sinh các kỹ năng cơ bản về : nghe - nói - đọc - viết. Nếu chúng ta chỉ biết nói mà không biết nghe, chỉ biết viết mà không biết đọc thì việc giao tiếp khó có thể đạt kết quả tốt. Cha ông ta có câu: “Học ăn, học nói, học gói, học mở” để nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học nói, nhưng việc nói bao giờ cũng gắn liền với việc nghe. Trên cơ sở đó, giúp các em biết yêu quý tiếng mẹ đẻ. Đó chính là chìa khoá của nhận thức, của học vấn, của sự phát triển trí tuệ đứng đắn. Âm vần là môn học khởi đầu giúp cho học sinh chiếm lĩnh một công cụ mới để sử dụng trong học tập và giao tiếp đó chính là chữ viết. Nếu chữ viết là phương tiện trong giao tiếp thì Âm vần có vị trí quan trọng không thể thiếu ở bậc tiểu học. Nhiệm vụ lớn là trao

cho các em chia khoá để vận dụng chữ viết khi học tập. Khi biết đọc, biết viết các em có điều kiện nghe thầy cô giảng, sử dụng sách giáo khoa. Môn Tiếng Việt ở Tiểu học rèn luyện cho học sinh 4 kỹ năng nói trên. Song mục tiêu của việc dạy và học Tiếng Việt ở lớp 1 là đem lại cho các em kỹ năng đọc đúng, viết đúng. Quá trình đọc và viết đều thông qua chữ. Chữ viết của Tiếng Việt là chữ ghi âm. Các em phải nắm được cả hai kỹ năng đọc và viết. Cho nên khi dạy không thể tách dạy âm hay dạy chữ mà phải kết hợp dạy chữ và dạy âm, dạy chữ trên cơ sở dạy âm, dạy âm để dạy chữ. Thông qua giờ học âm vần, học sinh đọc, viết, nhớ được tất cả các âm, vần của Tiếng Việt một cách chính xác, từ đó biết ghép các âm vần với nhau để tạo thành tiếng, từ mới. Từ đó, các em nắm được hệ thống âm tiếng Việt, được làm giàu vốn từ, biết nói các câu ngắn và làm quen với các bài thơ, bài văn, câu chuyện phù hợp với lứa tuổi.

Xuất phát từ những thực tiễn dạy học Âm vần ở trường Tiểu học hiện nay và yêu cầu của việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học, tôi đã lựa chọn đề tài: **“Nghiên cứu, xây dựng hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 1 trong dạy học vần”**.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

2.1. Những nghiên cứu vận dụng hoạt động trải nghiệm vào dạy học ở Việt Nam

Nhóm tác giả Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Thị Hằng, Trương Duy Hải, Đào Thị Ngọc Minh đã cho ra mắt cuốn: *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*. Trong cuốn sách này, các tác giả đã tập trung làm sáng tỏ 3 vấn đề: Một là, hiểu thế nào về HĐTN; Hai là, đặc điểm cơ bản của HĐTN, Ba là, tổ chức HĐTN trong nhà trường phổ thông với những nội dung hình thức, phương pháp, định hướng đánh giá tổ chức HĐTN.

Tác giả Đỗ Tiến Đạt trong bài viết *“Dạy học môn Toán ở Tiểu học trên cơ sở tổ chức các HĐTN, khám phá và phát hiện”* tập trung nghiên cứu biện pháp tích cực hóa hoạt động học tập của HS trong giờ học Toán. Tác giả đề xuất 5 bước tổ chức HĐTN gồm: Gợi động cơ, tạo hứng thú; Trải nghiệm; Phân tích, khám phá, rút ra bài học; Thực hành; Vận dụng.

Tác giả Võ Trung Minh trong luận án *GD môi trường dựa vào trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học ở Tiểu học* đã đánh giá vai trò quan trọng của việc học tập dựa vào trải nghiệm, đánh giá thực trạng dạy học ở tiểu học hiện nay chủ yếu dựa vào hình thức thuyết trình trên lớp, dựa vào tranh ảnh, sách giáo khoa. Tác giả đã đề xuất các nguyên tắc, nội dung, quy trình và điều kiện để thực hiện giáo dục dựa vào trải nghiệm cho học sinh lớp 4, 5 trong môn Khoa học.

Gần đây nhất, tác giả Nguyễn Quốc Vương (chủ biên), đã xuất bản bộ sách *Hoạt động trải nghiệm (Dành cho HS tiểu học)*. Bộ sách gồm 10 quyển, mỗi quyển thiết kế 5 chủ đề trải nghiệm cho HS từ lớp 1 đến lớp 5 giúp HS khám phá, cảm nhận những điều mới mẻ và thú vị trong cuộc sống xung quanh.

2.2. Những nghiên cứu vận dụng hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học

Vấn đề học tập qua trải nghiệm sáng tạo không phải là vấn đề mới với nhiều nước trên thế giới nhưng ở Việt Nam, vấn đề này còn khá mới mẻ. Đặc biệt, chưa có nhiều tài liệu nghiên cứu, luận văn, luận án nào trình bày cụ thể đến việc tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Âm văn. Vì vậy, tôi tìm hiểu và tham khảo các loại tài liệu đề cập đến những vấn đề chung của hoạt động trải nghiệm sáng tạo như sau:

Hoạt động trải nghiệm đã có từ rất lâu trong chương trình dạy học nói chung và dạy học Tiếng Việt nói riêng nhưng mới được hình thành thông qua các hoạt động ngoại khóa. Nói tới hoạt động ngoại khóa có rất nhiều quan niệm về vấn đề này, theo quan điểm của Lê Phương Nga, trong giáo trình “*Phương pháp DHTV ở tiểu học II*”. Chúng ta có thể hiểu rằng qua hình thức hoạt động ngoại khóa, HS sẽ trở thành chủ thể của mọi hoạt động học tập, lao động vui chơi, khám phá... Đó cũng là tư tưởng GD nhà trường gắn với gia đình và xã hội, đó cũng là tư tưởng mà GD trải nghiệm hướng tới.

Tài liệu *Tập huấn Mô hình trường Tiểu học mới (GPE –VNEN)*, giới thiệu PPDH theo mô hình trường tiểu học mới hỗ trợ HS nâng cao năng lực tự học, GV hướng dẫn HS học tập dựa trên các hoạt động học tích cực thông qua thảo luận, tương tác khuyến khích, tạo cơ hội để HS trao đổi thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm, ý

kiến từ đó hình thành năng lực. Cấu trúc bài học không theo phân môn mà theo từng tổ hợp kiến thức, kỹ năng tiếng Việt, mỗi hoạt động DHTV gồm mục tiêu và các hoạt động. Các hoạt động gồm 3 hoạt động chính: Hoạt động cơ bản, hoạt động thực hành, hoạt động ứng dụng. Cách tổ chức dạy học theo mô hình VNEN gồm 5 bước: Tạo hứng thú; Trải nghiệm; Phân tích, khám phá, rút ra bài học; Thực hành; Vận dụng và 10 bước học tập theo mô hình hội đồng tự quản với các nhóm học tập. Giáo trình *Phương pháp DHTV ở tiểu học* (Tài liệu thử nghiệm đào tạo GV tiểu học trình độ cao đẳng và đại học – theo Dự án mô hình trường học mới) tập 1 & 2 của Bộ GD

& ĐT gồm 7 phần. Ngoài phần lí thuyết chung và phần Học vấn, giáo trình hướng tới rèn các kỹ năng đặc trưng trong DHTV ở tiểu học. Ở mỗi phần được chia thành

các chương, cấu trúc mỗi chương gồm 5 phần. Như vậy, HĐTN là hoạt động có chủ đích, có kế hoạch, có sự định hướng của nhà GD, được thực hiện thông qua những cách thức phù hợp để chuyển tải nội dung GD tới người học nhằm thực hiện mục tiêu GD. HĐTN đích thực phải đảm bảo cho người học hoạt động tích cực và sáng tạo, không chỉ lĩnh hội tri thức, vận dụng các tri thức được học vào thực tiễn mà còn phát triển năng lực nhận thức và đạt được niềm vui sáng tạo, vận dụng HĐTN vào DHTV là cần thiết và có tính khả thi

Từ những nghiên cứu mà tôi đã tìm hiểu và trình bày ở trên, có thể thấy vai trò, vị trí và tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học nhằm phát triển năng lực học sinh. Tình hình chung về HĐTN ở Việt Nam tuy mới mẻ song thực chất không phải là vấn đề xa lạ mà ít nhiều đã có trong thực tiễn GD nước ta. HĐTN đã được đưa vào trong các chương trình GD nhằm hướng tới một nền GD hiện đại, phát triển, tiến bộ. Bên cạnh các HĐTN ngoài giờ học tôi nhận thấy HĐTN hoàn toàn có thể áp dụng vào trong giờ học, đặc biệt trong dạy học Tiếng Việt do đó tôi đã mạnh dạn nghiên cứu vấn đề hoạt động trải nghiệm trong dạy âm vần cho học sinh lớp 1..

3. Phạm vi nghiên cứu

Năm học 2020-2021, học sinh lớp 1 bắt đầu học chương trình giáo dục phổ thông mới và sách giáo khoa mới. Trong đó, bộ Cánh Diều dù vẫn còn một số tranh cãi nhưng với hình thức đẹp, bắt mắt gây hứng thú cho học sinh và nội dung hay, dễ hiểu,

phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của học sinh lớp 1 nên đã được rất nhiều các trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội chọn lựa để dạy cho học sinh lớp 1. Đặc biệt, ở lần thực tập tốt nghiệp này, tôi được đi thực tập ở trường Tiểu học Nghĩa Tân. Và trường đã chọn chương trình bộ sách Cánh diều để dạy cho học sinh lớp 1.

Cũng chính bởi những lí do này với đề tài của mình tôi lựa chọn nghiên cứu trong phạm vi phần Âm vần của bộ sách Cánh Diều.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài trong luận án của chúng tôi nhằm mục đích sau:

Bổ sung lí luận về PPDH Tiếng Việt ở tiểu học qua việc lựa chọn, hệ thống những tri thức quan trọng của HĐTN và đề xuất các yêu cầu, xây dựng quy trình, cách thức tổ chức HĐTN vào thực tiễn dạy Âm vần cho học sinh lớp 1. Khẳng định khả năng, hiệu quả của việc tổ chức HĐTN trong dạy Âm vần giúp HS hiểu và vận dụng được kiến thức vào quá trình học tập nhằm hướng tới phát triển các phẩm chất, năng lực, đồng thời kích thích tính tích cực chủ động và hứng thú học tập của HS, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Xác định cơ sở lí luận của việc thiết kế tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Âm vần cho học sinh Tiểu học. Xác định cơ sở thực tiễn của việc thiết kế tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Âm vần Đề xuất một số hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Âm vần và thực nghiệm các hình thức tại trường Tiểu học Nghĩa Tân.

Từ đó rút ra được nhận xét, kết luận về việc tổ chức hoạt trải nghiệm cho học sinh lớp 1 trong dạy học Âm vần .

5. Đối tượng nghiên cứu

Quy trình thiết kế tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học Âm vần cho học sinh Tiểu học.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận:

Tiến hành phân tích, tổng thiết
kế xây dựng hoạt động trải

hợp các công trình, thông tin có liên quan
đến việc nghiệm trong dạy học phân môn
Âm vận. Nghiên

cứu tài liệu được tôi tiến hành ngay sau khi lựa chọn đề tài. Phương pháp nghiên cứu lí thuyết được tiến hành với những công việc sau: Thống kê các sách báo, các văn kiện của Đảng và Nhà nước, của ngành GD nói chung, GD tiểu học nói riêng, những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài như luận văn, luận án...Phân loại tài liệu để nắm bắt được các nội dung cơ bản có liên quan đến đề tài, tiến hành đọc và ghi chép theo các vấn đề, phân tích, đánh giá các tài liệu thu được.-Hệ thống hóa, khái quát thành cơ sở lí luận của luận án

6.2. Phương pháp nghiên cứu khảo sát điều tra:

Là phương pháp tri giác có mục đích, có kế hoạch một sự kiện, hiện tượng, quá trình (hay hành vi cử chỉ của con người) trong những hoàn cảnh tự nhiên khác nhau nhằm thu thập những số liệu, sự kiện cụ thể đặc trưng cho quá trình diễn biến của sự kiện, hiện tượng đó, thu được số những ý kiến chủ quan về một vấn đề nào đó. Trong đề tài của mình tôi đã sử dụng phương pháp này để khảo sát điều tra việc sử dụng SGK Tiếng Việt 1 bộ Cánh Diều và việc dạy áp dụng hoạt động trải nghiệm vào dạy học Âm Vần ở trường Tiểu học Nghĩa Tân.

6.3. Phương pháp thực nghiệm sư phạm:

Thực nghiệm sư phạm là phương pháp đặc thù trong nghiên cứu khoa học GD, được sử dụng vào thiết kế giáo án với các hoạt động mới cần nghiên cứu vào thực tiễn GD. Thực nghiệm làm sáng tỏ các yếu tố tác động thực tiễn dạy học nhằm khẳng định hiệu quả và tính khả thi của những đề xuất đưa ra trong luận án. Trong đề tài của mình tôi đã tiến hành thực nghiệm tại 2 lớp 1 của trường TH Nghĩa Tân.

6.4. Phương pháp so sánh:

Nhằm rút ra điểm chung, giống nhau và những điểm khác biệt, mới mẻ của vấn đề. Trong đề tài của mình tôi đã sử dụng phương pháp này nhằm so sánh điểm giống và khác giữa SGK Tiếng Việt 1 bộ Cánh Diều với SGK TV 1 năm 2002.

7. Cấu trúc của đề tài

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận* và *Phụ lục* thì nội dung chính của đề tài bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận và thực tiễn của đề tài.

Chương 2: Xây dựng hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 1 trong dạy Âm vắn.

Chương 3: Thực nghiệm sư phạm.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Cơ sở lý luận của đề tài

1.1.1. *Khái quát về phần Âm vần trong dạy Tiếng Việt ở Tiểu học*

1.1.1.1. *Vị trí, nhiệm vụ của dạy Âm vần*

Việc học Âm vần có vị trí đặc biệt quan trọng trong chương trình tiểu học nói chung và trong môn Tiếng Việt nói riêng, quá trình học âm vần giúp học sinh chiếm lĩnh và làm chủ một công cụ mới để sử dụng trong học tập và giao tiếp đó chính là chữ viết ghi âm Tiếng Việt

Âm vần có nhiệm vụ hướng dẫn học sinh biết cách sử dụng chữ viết trong học tập và giao tiếp. Khi biết đọc, biết viết, học sinh có thể cảm nhận được hiện thực cuộc sống một cách đầy đủ và sâu sắc hơn. Có thể diễn đạt một cách rõ ràng những nhận thức, tình cảm của mình, các em có điều kiện nghe thầy cô giảng trên lớp, sử dụng sách giáo khoa, sách tham khảo,... từ đó có điều kiện học tốt các môn khác trong chương trình.

1.1.1.2. *Các nguyên tắc, phương pháp dạy Âm vần*

Các nguyên tắc dạy Âm vần

- ❖ Nguyên tắc phát triển lời nói

Nguyên tắc phát triển lời nói được đặt ra xuất phát từ chức năng cơ bản của ngôn ngữ: Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất. Chức năng này của ngôn ngữ đã quy định mục tiêu cơ bản của môn Tiếng Việt trong trường Tiểu học là rèn kỹ năng sử dụng Tiếng Việt để phát triển năng lực học tập và giao tiếp cho học sinh. Từ mục tiêu này, chương trình Tiếng Việt ở Tiểu học được biên soạn theo hướng giao tiếp: phải lấy giao tiếp vừa làm mục đích, vừa làm cách thức dạy học Tiếng Việt. Việc dạy Tiếng Việt đều phải tuân thủ nguyên tắc phát triển lời nói. Khi dạy Âm vần giáo viên cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản của nguyên tắc phát triển lời nói sau:

Phải xem xét các đơn vị ngôn ngữ trong hoạt động hành chức, đặt các đơn vị ngôn ngữ đang được xem xét vào hoạt động (ngữ cảnh) để tìm hiểu. Trong dạy Âm

vần, yêu cầu này được tuân thủ một cách triệt để: Âm/vần được thể hiện trong tiếng, trong từ, trong câu. Điều này có thể thấy rõ khi phân tích bất kì bài Âm vần nào. Ví dụ: Trong bài 36 SGK Tiếng Việt tập 1 bộ Cánh Diều dạy vần **am – ap** thì vần **am** được dạy trong tiếng **cam** và trong từ **quả cam, quả trám, vạm vỡ**; còn vần **ap** được dạy trong tiếng **đạp**, trong từ **xe đạp, Tháp Rùa, mùa sạ**.

Việc lựa chọn và sắp xếp nội dung dạy học phải lấy giao tiếp làm đích, các bài được sắp xếp theo trật tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.

Tổ chức tốt hoạt động nói cho học sinh khi dạy Tiếng Việt, cần phải sử dụng giao tiếp như một phương pháp dạy học chủ đạo. Coi học sinh là chủ thể hoạt động, tạo mục đích động cơ học tập cho các em. Giáo viên cần tạo điều kiện để học sinh được thực hành nhiều và bằng những hình thức khác nhau: đánh vần, đọc trơn, nghe, nói,... kết hợp sử dụng sách giáo khoa và vở tập viết.



Nguyên tắc phát triển tư duy

Chức năng cơ bản thứ hai của ngôn ngữ là: “Ngôn ngữ là hiện thực trực tiếp của tư duy”. Ngôn ngữ luôn gắn bó chặt chẽ với tư duy và làm phương tiện tư duy của con người, đó chính là cơ sở của nguyên tắc này khi vận dụng trong dạy Tiếng Việt. Nguyên tắc phát triển tư duy còn xuất phát từ chính mục đích, nhiệm vụ của việc dạy tiếng trong trường Tiểu học đó là góp phần bồi dưỡng năng lực và phẩm chất tư duy cho học sinh. Những yêu cầu cơ bản của nguyên tắc phát triển tư duy trong dạy Âm vần:

Phải chú ý rèn luyện các thao tác tư duy và bồi dưỡng các năng lực, phẩm chất tư duy cho học sinh như: so sánh, đối chiếu, phân tích, tổng hợp,.. Ví dụ, các bài dạy âm, vần mới có nội dung tổng hợp các âm thành vần, vần với âm đầu và thanh điệu thành tiếng, tiếng và nội dung phân tích tiếng thành âm, vần, thanh,... các thao tác tìm điểm tương đồng, khác biệt giữa các âm, vần, tiếng cũng làm cho năng lực và phẩm chất tư duy của học sinh phát triển.

Giúp cho học sinh thông hiểu ý nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ, nắm được nội dung cần nói, viết và tạo điều kiện để các em thể hiện những suy nghĩ của mình bằng ngôn ngữ. Trong sách giáo khoa không phải mọi từ học sinh đều quen thuộc

nên nếu muốn các em thực hiện tốt nhiệm vụ học tập giáo viên cần giúp đỡ học sinh hiểu đúng các từ ngữ này.

Các bài luyện nói theo chủ đề phải có nội dung gần gũi với cuộc sống của các em, giáo viên chủ động xây dựng hệ thống câu hỏi để gợi ý, dẫn dắt; câu hỏi cần dễ hiểu, tường minh, phù hợp với mọi học sinh.

Giáo viên cần đánh giá, nhận xét rõ ràng, khuyến khích, khơi gợi hứng thú học tập ở học sinh góp phần nâng cao phẩm chất, năng lực học tập của các em.

❖ Nguyên tắc tính đến đặc điểm của học sinh

Nguyên tắc tính đến đặc điểm của học sinh bắt nguồn từ vị trí đặc biệt của học sinh trong dạy học. Học sinh vừa là đối tượng của hoạt động dạy vừa là chủ thể của hoạt động học, là nhân tố trung tâm trong hoạt động dạy học. Những đặc điểm cần chú ý trong dạy âm vần là đặc điểm tâm sinh lí của học sinh lớp 1 và trình độ Tiếng Việt của các em khi mới đến trường. Khi dạy Âm vần cần đảm bảo:

Cần nắm vững đặc điểm tâm lí lứa tuổi của học sinh lớp 1. Với học sinh 6-7 tuổi, khả năng tập trung chú ý của các em chưa cao, tư duy cụ thể là chủ yếu, khả năng tổng hợp khái quát còn hạn chế. Do đó, trong giờ Âm vần, giáo viên cần chú ý thay đổi hình thức hoạt động trí tuệ, xen kẽ các hoạt động vui chơi vào giữa hai tiết học. Với học sinh lớp 1, các em vừa bước vào một hoạt động mới đó là hoạt động học tập vì vậy giáo viên cần chú ý thay đổi các hình thức dạy học để tránh làm cho trẻ nhàm chán không hứng thú với việc học tập, dễ mệt mỏi.

Chú ý đúng mức tính vừa sức trong dạy Âm vần. Giáo viên cần chủ động tìm hiểu trình độ học sinh trong lớp để lựa chọn cách dạy học cho phù hợp, tìm hiểu trình độ Tiếng Việt của các em để tận dụng những kinh nghiệm vốn có vào việc học tiếng trong nhà trường. Nếu học sinh lần đầu học Tiếng Việt thì giáo viên cần sử dụng biện pháp so sánh, đối chiếu trong khi dạy nghĩa của từ.

❖ Nguyên tắc trực quan trong dạy Âm vần

Lê nin đã từng nói rằng: *“Con đường nhận thức chung của loài người là từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng”* vậy nên nguyên tắc trực quan không phải là nguyên tố mới trong dạy học nói chung hay dạy Tiếng Việt nói riêng. Tuy

nhiên, trong dạy Âm vần, nguyên tắc này vô cùng quan trọng nó đáp ứng những đòi hỏi cần có ở lứa tuổi học sinh khi mới bước chân vào nhà trường. Với học sinh lớp 1, các kiến thức trừu tượng sẽ dễ hiểu hơn khi được diễn đạt một cách trực quan bằng các mô hình, tranh ảnh. Các thao tác thực hành của học sinh sẽ trở nên thành thạo hơn khi các em được quan sát các mẫu, được sử dụng các đồ dùng dạy học thích hợp, được nói, được làm, được nhìn, được nghe, được viết. Yêu cầu của nguyên tắc trực quan khi dạy Âm vần:

Phương tiện trực quan phải đa dạng về kiểu loại, phải có tác dụng tích cực trong việc hình thành kiến thức, kỹ năng cho học sinh. Phương tiện trong dạy Âm vần rất đa dạng có thể là tranh ảnh, vật thật, bộ chữ thực hành Tiếng Việt, chữ mẫu trong SGK, trong vở tập viết,.... Tất cả các phương tiện trực quan này phải được thiết kế đảm bảo tính khoa học, tính thẩm mỹ, có tác dụng hỗ trợ tích cực, nâng cao hiệu quả học tập của học sinh.

Các phương tiện dạy Âm vần cần được phối hợp linh hoạt, phù hợp với từng bước trong một tiết học. Điều quan trọng khi sử dụng phương tiện dạy học là cần xác định rõ mục đích sử dụng, sử dụng sao cho hiệu quả. Tuy nhiên, giáo viên cần chú ý không lạm dụng các phương tiện dạy học. Các phương tiện trực quan, kể cả các phương tiện hiện đại rất cần thiết trong dạy học nhưng đó chỉ là phương tiện hỗ trợ cho hoạt động dạy học nên khi sử dụng cần lưu ý để tránh rơi vào tình trạng phô diễn, trình diễn đồ dùng.

Các phương pháp dạy Âm vần



Phương pháp phân tích ngôn ngữ

Phương pháp phân tích ngôn ngữ là phương pháp được sử dụng một cách có hệ thống để xem xét các mặt của ngôn ngữ. Hoạt động phân tích ngôn ngữ bao gồm việc quan sát các hiện tượng ngôn ngữ, tìm điểm tương đồng, khác biệt giữa chúng, sắp xếp các đơn vị ngôn ngữ theo một trật tự nhất định.

Trong quá trình dạy Âm vần, giáo viên cần phối hợp một cách hợp lý các thao tác phân tích – tổng hợp. Phân tích là tách các hiện tượng ngôn ngữ theo cấp độ từ - tiếng – vần (âm). Tổng hợp là ghép các yếu tố ngôn ngữ đã được phân tích trở về dạng ban đầu. Các thao tác tách và ghép này phải được phối hợp nhuần

nhuyễn kết hợp đánh vần các vần, các tiếng và đọc trơn. Phương pháp phân tích ngôn ngữ được áp dụng khi dạy bài mới (tiết 1). Giáo viên tổ chức cho học sinh phân tích, tổng hợp âm/vần – tiếng – từ. Sau khi học sinh nắm rõ được âm/vần mới tiến hành tổng hợp trở lại và đọc thành tiếng. Phương pháp này có thể sử dụng đối với các bài tập ứng dụng bằng cách cho học sinh tìm tiếng có chứa âm/ vần vừa được học hoặc đang ôn tập, Phương pháp phân tích ngôn ngữ giúp học sinh nắm chắc bài học một cách khoa học, tiếp thu bài có hệ thống, đặc biệt phát triển ở các em những thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu.

❖ Phương pháp giao tiếp

Phương pháp giao tiếp là phương pháp hoạt động dựa vào lời nói và những hoạt động lời nói. Phương pháp này gắn liền với phương pháp luyện tập theo mẫu. Để thực hiện phương pháp giao tiếp, giáo viên cần tạo cho học sinh nhu cầu giao tiếp, nội dung giao tiếp, môi trường giao tiếp, phương tiện giao tiếp và các thao tác giao tiếp. Giờ Âm vần không có tiết lí thuyết nên phương pháp giao tiếp cần được sử dụng thường xuyên, điều này phù hợp với định hướng giao tiếp của chương trình mới.

Để tổ chức hoạt động giao tiếp cho học sinh trong giờ Âm vần, giáo viên cần chuẩn bị hệ thống câu hỏi, bài tập từ khi thiết kế bài dạy. Cụ thể, câu hỏi được sử dụng khi hướng dẫn học sinh tìm từ mới/ tiếng mới; hỏi khi học sinh thực hiện thao tác phân tích, tổng hợp; hỏi để tìm sự tương đồng/ khác biệt giữa các âm/ vần đang học với âm/ vần đã biết; hỏi để kích thích nhu cầu nói năng của học sinh trong nội dung luyện nói hoặc nội dung câu chuyện đã nghe. Giáo viên có thể tổ chức trò chơi để học sinh tham gia các hoạt động học tập. Khi tiến hành các trò chơi học tập trong giờ học, giáo viên cần chú ý mục đích của trò chơi. Đặc biệt, cần chú ý cho học sinh vận dụng tổng hợp các giác quan khi học đọc, viết, nhìn, nghe, tập phân tích từ - tiếng, tập viết ngay sau khi học bài mới. Phương pháp giao tiếp có tác dụng giúp học sinh tham gia vào việc tìm hiểu bài mới một cách tự nhiên, tích cực, chủ động. Thông qua phương pháp này, giáo viên nắm được trình độ của học sinh rồi từ đó có kế hoạch và phương pháp dạy học thích hợp với từng đối tượng cụ thể.



Phương pháp luyện tập theo mẫu

Đối với học sinh tiểu học, luyện tập theo mẫu là cực kì cần thiết. Bởi các em chưa có khả năng có thể khái quát các hiện tượng lời nói cụ thể thành quy luật nên việc thực hành theo mẫu cho trước sẽ có tác dụng trong việc hình thành những kĩ năng sử dụng lời nói của học sinh. Phương pháp luyện tập theo mẫu kết hợp chặt chẽ với phương pháp giao tiếp, giúp học sinh dần hình thành chắc chắn các kĩ năng sử dụng lời nói. Các phương pháp dạy Âm vần đều có mối quan hệ chặt chẽ nên giáo viên cần sử dụng linh hoạt các phương pháp này trong quá trình tổ chức giờ học cụ thể để có thể đạt kết quả cao nhất

1.1.2. Khái quát về hoạt động trải nghiệm

1.1.2.1. Khái niệm hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm là một khái niệm xuất hiện trong chương trình giáo dục phổ thông theo Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông của Bộ GD&ĐT. Để đạt được mục tiêu phát triển năng lực học sinh, nội dung sách giáo khoa được viết mới và HĐTN trở thành một nội dung học tập được cấu trúc độc lập trong kế hoạch giáo dục thuộc chương trình giáo dục phổ thông mới.

Dự thảo Đề án đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015 đã nêu: “*Hoạt động trải nghiệm sáng tạo (HĐTNST) bản chất là những hoạt động giáo dục (HĐGD) nhằm hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất tư tưởng, ý chí tình cảm, giá trị, kĩ năng (KN) sống và những năng lực cần có của con người trong xã hội hiện đại*”. Nội dung của HĐ TNST được thiết kế theo hướng tích hợp nhiều lĩnh vực, môn học thành các chủ điểm mang tính chất mở. Hình thức và phương pháp tổ chức đa dạng, phong phú, mềm dẻo, linh hoạt, mở về không gian, thời gian, quy mô, đối tượng và số lượng,... để HS có nhiều cơ hội tự trải nghiệm.

Theo ThS. Bùi Ngọc Diệp - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam “*HĐ TNST là các HĐGD thực tiễn được tiến hành song song với hoạt động dạy học trong nhà trường phổ thông*”. Chúng ta có thể hiểu rằng hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một bộ phận của quá trình giáo dục, được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp và có mối quan hệ bổ sung, hỗ trợ cho hoạt động dạy học. Thông qua các hoạt

động thực hành, những việc làm cụ thể và các hành động của học sinh, hoạt động trải nghiệm sáng tạo là các hoạt động giáo dục có mục đích, có tổ chức được thực hiện trong hoặc ngoài nhà trường nhằm phát triển, nâng cao các tố chất và tiềm năng của bản thân học sinh, nuôi dưỡng ý thức sống tự lập, đồng thời quan tâm, chia sẻ tới những người xung quanh. Thông qua việc tham gia vào các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, học sinh được phát huy vai trò chủ thể, tính tích cực, chủ động, tự giác và sáng tạo của bản thân. Các em được chủ động tham gia vào tất cả các khâu của quá trình hoạt động: từ thiết kế hoạt động đến chuẩn bị, thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và khả năng của bản thân. Bản thân học sinh còn được trải nghiệm, được bày tỏ quan điểm, ý tưởng, được đánh giá và lựa chọn ý tưởng oạt động, được thể hiện, tự khẳng định bản thân, được tự đánh giá và đánh giá kết quả hoạt động của bản thân, của nhóm mình và của bạn bè,... Từ đó, hình thành và phát triển những giá trị sống và các năng lực cần thiết. Có thể hiểu hoạt động trải nghiệm sáng tạo về cơ bản mang tính chất của hoạt động tập thể trên tinh thần tự chủ, với sự nỗ lực giáo dục nhằm phát triển khả năng sáng tạo và cá tính riêng của mỗi cá nhân trong tập thể.

Hoạt động trải nghiệm trong nhà trường cần được hiểu là hoạt động có động cơ, có đối tượng để chiếm lĩnh, được tổ chức bằng các việc làm cụ thể của học sinh, được thực hiện trong thực tế, được sự định hướng, hướng dẫn của nhà trường. Đối tượng để trải nghiệm nằm trong thực tiễn. Qua trải nghiệm thực tiễn, người học có được kiến thức, kỹ năng, tình cảm và ý chí nhất định. Sự sáng tạo sẽ có được khi phải giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn phải vận dụng kiến thức, kỹ năng đã có để giải quyết vấn đề, ứng dụng trong tình huống mới, không theo chuẩn đã có, hoặc nhận biết được vấn đề trong các tình huống tương tự, độc lập nhận ra chức năng mới của đối tượng, tìm kiếm và phân tích được các yếu tố của đối tượng trong các mối tương quan của nó, hay độc lập tìm kiếm ra giải pháp thay thế và kết hợp được các phương pháp đã biết để đưa ra hướng giải quyết mới cho một vấn đề.

Dù có rất nhiều quan niệm khác nhau nhưng đều có chung một cách hiểu: Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục, trong đó, dưới sự hướng dẫn của nhà giáo dục, từng cá nhân học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác

nhau của đời sống nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình.

1.1.2.2. Đặc điểm của hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là một hoạt động giáo dục như các môn học khác trong chương trình giáo dục phổ thông được thực hiện một cách có tổ chức trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển, nâng cao các tố chất và tiềm năng của bản thân mỗi học sinh, nuôi dưỡng ý thức sống tự lập, đồng thời tham gia các hoạt động quan tâm, chia sẻ tới những người xung quanh, hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực chung cần có ở con người trong xã hội hiện đại. Thông qua việc tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, học sinh được phát huy vai trò chủ thể, tính tích cực, chủ động, tự giác và sáng tạo của bản thân. Các em được chủ động tham gia vào tất cả các khâu của quá trình hoạt động: từ thiết kế hoạt động đến chuẩn bị, thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và kỹ năng của bản thân. Các em được trải nghiệm, được bày tỏ quan điểm, ý tưởng; được đánh giá và lựa chọn ý tưởng hoạt động; được thể hiện, tự khẳng định bản thân, được tự đánh giá đánh giá và đánh giá kết quả hoạt động của bản thân, của nhóm mình và của bạn bè. Hoạt động trải nghiệm về cơ bản mang tinh chất của hoạt động tập thể trên tinh thần tự chủ, với sự nỗ lực giáo dục nhằm phát triển khả năng sáng tạo và cá tính riêng của mỗi cá nhân trong tập thể.

Nội dung của hoạt động trải nghiệm: Hoạt động trải nghiệm sáng tạo có nội dung rất đa dạng và mang tính tích hợp, tổng hợp kiến thức, kỹ năng của nhiều môn học, nhiều lĩnh vực học tập và giáo dục như: giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị sống.... Nội dung giáo dục của hoạt động trải nghiệm cần thiết thực và gắn gũi với cuộc sống thực tế, đáp ứng nhu cầu hoạt động của học sinh, giúp các em vận dụng những hiểu biết của mình vào trong thực tiễn cuộc sống một cách thuận lợi.

Về quy mô tổ chức: Hoạt động trải nghiệm có thể tổ chức theo những quy mô khác nhau như theo nhóm, theo lớp, theo trường,.. Khi tổ chức theo quy mô nhóm và quy mô lớp có ưu thế hơn về nhiều mặt như: tổ chức đơn giản không tốn

kém, mất ít thời gian, học sinh tham gia được nhiều hơn và có nhiều khả năng hình thành, phát triển năng lực cho học sinh.

Về địa điểm: Hoạt động trải nghiệm có thể tổ chức tại nhiều địa điểm khác nhau ở trong và ngoài nhà trường như: lớp học, thư viện, vườn trường, công viên, viện bảo tàng, khu di tích, các danh lam thắng cảnh, làng nghề, cơ sở sản xuất ... hoặc ở các địa điểm khác ngoài nhà trường có liên quan đến chủ đề hoạt động.

Lực lượng tham gia: Hoạt động trải nghiệm có khả năng thu hút sự tham gia, phối hợp, liên kết nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài trường: giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, tổng phụ trách, ban giám hiệu nhà trường, cha mẹ học sinh,... mỗi lực lượng giáo dục có tiềm năng, thế mạnh riêng. Tùy nội dung, tính chất từng hoạt động mà sự tham gia của các lực lượng có thể khác nhau.

Hình thức tổ chức: Hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông có hình thức tổ chức rất đa dạng và phong phú. Cùng một chủ đề, một nội dung giáo dục nhưng hoạt động trải nghiệm có thể tổ chức theo nhiều hình thức hoạt động khác nhau, tùy theo lứa tuổi và nhu cầu của học sinh, tùy theo điều kiện cụ thể của từng lớp, từng trường, từng địa phương.

1.1.2.3. Các hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường Tiểu học

❖ Các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường Tiểu học

Hoạt động trải nghiệm được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như hoạt động câu lạc bộ, tổ chức trò chơi, diễn đàn, sân khấu tương tác, tham quan dã ngoại, các hội thi, hoạt động giao lưu, hoạt động nhân đạo, hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, sân khấu hóa (kịch, thơ, hát, múa rối, tiểu phẩm, kịch tham gia,...), thể dục thể thao, tổ chức các ngày hội,... Mỗi hình thức hoạt động trên đều mang ý nghĩa giáo dục nhất định. Dưới đây là một số hình thức tổ chức của HĐTN trong nhà trường phổ thông:

Hoạt động câu lạc bộ (CLB): Câu lạc bộ là hình thức sinh hoạt ngoại khóa của những nhóm học sinh cùng sở thích, nhu cầu, năng khiếu,... dưới sự định hướng của những nhà giáo dục nhằm tạo môi trường giao lưu thân thiện, tích cực giữa các học sinh với nhau và giữa học sinh với thầy cô giáo, với những người lớn

khác. Hoạt động của CLB tạo cơ hội để học sinh được chia sẻ những kiến thức, hiểu biết của mình về các lĩnh vực mà các em quan tâm, qua đó phát triển các kỹ năng của học sinh như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe và biểu đạt ý kiến, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kỹ năng viết bài, kỹ năng chụp ảnh, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề,...

Tổ chức trò chơi: Trò chơi là một loại hình hoạt động giải trí, thư giãn; là món ăn tinh thần nhiều bổ ích và không thể thiếu được trong cuộc sống con người nói chung, đối với học sinh nói riêng. Trò chơi là hình thức tổ chức các hoạt động vui chơi với nội dung kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, có tác dụng giáo dục "chơi mà học, học mà chơi". Trò chơi có thể được sử dụng trong nhiều tình huống khác nhau của HĐTN như làm quen, khởi động, dẫn nhập vào nội dung học tập, cung cấp và tiếp nhận tri thức; đánh giá kết quả, rèn luyện các kỹ năng và củng cố những tri thức đã được tiếp nhận,... Trò chơi giúp phát huy tính sáng tạo, hấp dẫn và gây hứng thú cho học sinh; giúp học sinh dễ tiếp thu kiến thức mới; giúp chuyển tải nhiều tri thức của nhiều lĩnh vực khác nhau; tạo được bầu không khí thân thiện; tạo cho các em tác phong nhanh nhẹn,... xua tan căng thẳng, mệt mỏi cho các em trong quá trình học tập và đồng thời cũng giúp quá trình học tập được tiến hành một cách nhẹ nhàng, sinh động, không khô khan nhàm chán.

Sân khấu tương tác: Sân khấu tương tác (hay sân khấu diễn đàn) là một hình thức nghệ thuật tương tác dựa trên hoạt động diễn kịch, trong đó vở kịch chỉ có phần mở đầu đưa ra tình huống, phần còn lại được sáng tạo bởi những người tham gia. Phần trình diễn chính là một cuộc chia sẻ, thảo luận giữa những người thực hiện và khán giả, trong đó đề cao tính tương tác hay sự tham gia của khán giả. Mục đích của hoạt động này là nhằm tăng cường nhận thức, thúc đẩy để học sinh đưa ra quan điểm, suy nghĩ và cách xử lý tình huống thực tế gặp phải trong bất kỳ nội dung nào của cuộc sống. Thông qua sân khấu tương tác, sự tham gia của học sinh được tăng cường và thúc đẩy, tạo cơ hội cho học sinh rèn luyện những kỹ năng như: kỹ năng phát hiện vấn đề, kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, khả năng sáng tạo khi giải quyết tình huống và khả năng ứng phó với những thay đổi của cuộc sống,...

Tham quan, dã ngoại: Tham quan, dã ngoại là một hình thức tổ chức học tập thực tế hấp dẫn đối với học sinh. Mục đích của tham quan, dã ngoại là để các em học sinh được đi thăm, tìm hiểu và học hỏi kiến thức, tiếp xúc với các di tích lịch sử, văn hóa, công trình, nhà máy... ở xa nơi các em đang sống, học tập, giúp các em có được những kinh nghiệm thực tế, từ đó có thể áp dụng vào cuộc sống của chính các em. Nội dung tham quan, dã ngoại có tính giáo dục tổng hợp đối với học sinh như: giáo dục lòng yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống lịch sử, truyền thống của Đảng, của Đoàn, của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh,...

Các chuyến tham quan, dã ngoại sẽ tăng cường cơ hội cho học sinh được giao lưu, chia sẻ và thể hiện những khả năng vốn có của mình, đồng thời giúp các em cảm nhận được vẻ đẹp của quê hương đất nước, hiểu được các giá trị truyền thống và hiện đại của dân tộc. Đây là hoạt động thu hút đông đảo học sinh tham gia bởi tính lành mạnh và màu sắc vui chơi của nó. Tham quan, dã ngoại là điều kiện và môi trường tốt cho các em thể hiện tính tự quả, tính sáng tạo và biết đánh giá sự cố gắng, sự trưởng thành của bản thân.

Hội thi / cuộc thi: Hội thi/cuộc thi là một trong những hình thức tổ chức hoạt động hấp dẫn, lôi cuốn học sinh và đạt hiệu quả cao trong việc tập hợp, giáo dục, rèn luyện và định hướng giá trị cho tuổi trẻ. Hội thi mang tính chất thi đua giữa các cá nhân, nhóm hoặc tập thể luôn hoạt động tích cực để vươn lên đạt được mục tiêu mong muốn thông qua việc tìm ra người/đội thắng cuộc. Chính vì vậy, tổ chức hội thi cho học sinh là một yêu cầu quan trọng, cần thiết của nhà trường, của giáo viên trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo

Mục đích tổ chức hội thi/cuộc thi nhằm lôi cuốn học sinh tham gia một cách chủ động, tích cực vào các hoạt động giáo dục của nhà trường; đáp ứng nhu cầu về vui chơi giải trí cho học sinh; thu hút tài năng và sự sáng tạo của học sinh; phát triển khả năng hoạt động tích cực và tương tác của học sinh, góp phần bồi dưỡng cho các em động cơ học tập tích cực, kích thích hứng thú trong quá trình nhận thức. Hội thi/cuộc thi có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: Thi vẽ, thi viết, thi tìm hiểu, thi đố vui, thi giải ô chữ, thi tiểu phẩm, thi thời trang, thi kể chuyện, thi chụp ảnh, thi kể chuyện theo tranh, thi sáng tác bài hát, hội thi học tập,

hội thi thời trang, hội thi học sinh thanh lịch,... có nội dung giáo dục về một chủ đề nào đó. Nội dung của hội thi rất phong phú, bất cứ nội dung giáo dục nào cũng có thể được tổ chức dưới hình thức hội thi/cuộc thi. Điều quan trọng khi tổ chức hội thi là phải linh hoạt, sáng tạo khi tổ chức thực hiện, tránh máy móc thì cuộc thi mới hấp dẫn.



Các phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường Tiểu học

Phương pháp giải quyết vấn đề (GQVĐ): GQVĐ là một phương pháp giáo dục nhằm phát triển năng lực tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề của học sinh. Các em được đặt trong tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề giúp học sinh lĩnh hội tri thức, kinh nghiệm và phương pháp. Trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, phương pháp giải quyết vấn đề thường được vận dụng khi học sinh phân tích, xem xét và đề xuất những giải pháp trước một hiện tượng, sự việc nảy sinh trong quá trình hoạt động. Phương pháp này có ý nghĩa quan trọng, phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh, giúp các em có cách nhìn toàn diện hơn trước các hiện tượng, sự việc nảy sinh trong hoạt động, cuộc sống hàng ngày. Để phương pháp thành công thì vấn đề đưa ra phải sát với mục tiêu hoạt động, kích thích các em tích cực tìm tòi cách giải quyết. Đối với tập thể lớp, khi giải quyết vấn đề giáo viên phải coi trọng nguyên tắc tôn trọng, bình đẳng, tránh gây ra căng thẳng không có lợi khi giáo dục học sinh.

Phương pháp giải quyết vấn đề được tiến hành theo các bước cụ thể như sau:

- Bước 1: Nhận biết vấn đề: Phân tích tình huống được đặt ra nhằm nhận biết được vấn đề để đạt được yêu cầu, mục đích.
- Bước 2: Tìm các phương án giải quyết: Học sinh cần so sánh, liên hệ với những cách giải quyết các vấn đề tương tự, những kinh nghiệm đã có cũng như tìm các phương án giải quyết mới.
- Bước 3: Quyết định phương án giải quyết: Các phương án giải quyết vấn đề đã được tìm ra cần được phân tích, so sánh và đánh giá xem có thực hiện được giải quyết vấn đề không. Nếu có nhiều phương án giải quyết cần so sánh để xác định phương án tối ưu nhất.

Phương pháp sắm vai: Sắm vai là phương pháp giáo dục giúp học sinh thực hành cách ứng xử, bày tỏ thái độ trong những tình huống giả định hoặc trên cơ sở óc tưởng tượng và ý nghĩ sáng tạo của các em. Sắm vai thường không có kịch bản cho trước mà học sinh tự xây dựng trong quá trình hoạt động. Đây là phương pháp giúp học sinh suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào cách ứng xử cụ thể mà các em quan sát được. Việc "diễn" không phải là phần quan trọng nhất của phương pháp này mà là xử lý tình huống khi diễn và thảo luận sau phần diễn đó. Mục đích của phương pháp trên không phải chỉ ra cái cần làm mà bắt đầu cho một cuộc thảo luận. Để bắt đầu cho một cuộc thảo luận thú vị người sắm vai nên làm một cái gì đó sai, hoặc phải thực hiện nhiệm vụ vô cùng khó khăn. Nếu người sắm vai làm đúng mọi chuyện thì chẳng có gì để thảo luận.

Sắm vai có ý nghĩa rất lớn trong việc hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp cho học sinh. Thông qua sắm vai, học sinh được rèn luyện, thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn, tạo điều kiện phát triển óc sáng tạo của các em, kích lệ thay đổi thái độ và hành vi theo hướng tích cực trước một vấn đề hay đối tượng nào đó. Thông qua các vai được sắm trong trò chơi, học sinh thể hiện các khía cạnh khác nhau trong tính cách như: sự ưa thích, tình cảm, sự hiểu biết về nhân vật mà các em đang sắm vai đó và những người bạn đang chơi cùng với hành động của chúng là điều đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa nhiều mặt đối với học sinh.

Phương pháp làm việc nhóm: Làm việc theo nhóm nhỏ là phương pháp tổ chức dạy học - giáo dục, trong đó giáo viên sắp xếp học sinh thành những nhóm nhỏ theo hướng tạo ra sự tương tác trực tiếp giữa các thành viên, từ đó học sinh trong cùng một nhóm có thể trao đổi, giúp đỡ và cùng nhau phối hợp làm việc để hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm. Làm việc nhóm có ý nghĩa rất lớn trong việc: Phát huy cao độ vai trò chủ thể, tính tự giác, tích cực, sáng tạo, năng động, tinh thần trách nhiệm của học sinh, tạo cơ hội cho các em tự thể hiện, tự khẳng định khả năng, thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao. Giúp học sinh hình thành các kỹ năng xã hội và phẩm chất nhân cách cần thiết như: kỹ năng tổ chức, quản lý, giải quyết vấn đề, hợp tác, có trách nhiệm cao, tinh thần đồng đội, sự quan tâm và mối quan hệ khăng khít, sự ủng hộ cá nhân và khuyến khích tinh thần học hỏi lẫn nhau,

xác định giá trị của sự đa dạng và tính gắn kết. Thể hiện mối quan hệ bình đẳng, dân chủ và nhân văn: tạo cơ hội bình đẳng cho mỗi cá nhân người học được khẳng định và phát triển. Nhóm làm việc sẽ khuyến khích học sinh giao tiếp với nhau và như vậy sẽ giúp cho những em nhút nhát, thiếu tự tin có nhiều cơ hội hòa nhập với lớp học,....

Khi sử dụng phương pháp làm việc nhóm giáo viên cần chú ý một số vấn đề sau: khi thiết kế các nhiệm vụ đòi hỏi sự phụ thuộc lẫn nhau, mỗi thành viên cần có một vai trò cụ thể trong nhóm, tạo ra những nhiệm vụ phù hợp với kỹ năng và khả năng làm việc nhóm của học sinh, giáo viên cần phân công nhiệm vụ công bằng giữa các nhóm và các thành viên và đảm bảo trách nhiệm của từng cá nhân, sử dụng nhiều cách sắp xếp nhóm làm việc khác nhau, hướng dẫn học sinh phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm. Để rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm cho học sinh có hiệu quả, khi tiến hành làm việc nhóm trong hoạt động trải nghiệm, giáo viên cần tiến hành theo các bước sau:

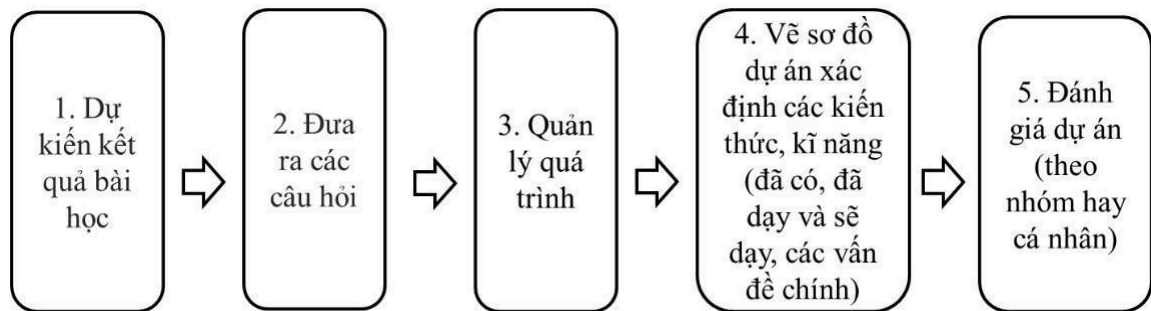
Bước chuẩn bị cho hoạt động: Hướng dẫn học sinh trao đổi, đề xuất vấn đề, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, cách thực hiện và lập kế hoạch. Hướng dẫn học sinh tự lựa chọn nhóm theo từng nội dung: phân công nhóm trưởng và các vai trò khác cho từng thành viên. Hướng dẫn từng nhóm phân công công việc hợp lý. Chú trọng học sinh vào một số kỹ năng là việc nhóm cần thiết cho hoạt động (2-3 kỹ năng để nhấn mạnh), giải thích sự cần thiết, làm rõ khái niệm và cách thể hiện, tạo ra tình huống để luyện tập, tổ chức cho học sinh tự nhận xét, đánh giá.

Bước thực hiện: Quan sát nắm bắt thông tin từ học sinh xem các nhóm có hiểu rõ nhiệm vụ không? Có thể hiện kỹ năng làm việc nhóm đúng không? Các vai trò được thể hiện như thế nào? Giúp đỡ những nhóm thực hiện đúng và duy trì mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau một cách tích cực. Khuyến khích động viên các nhóm hoặc cá nhân làm việc tốt. Can thiệp, điều chỉnh hoạt động của nhóm khi thấy cần thiết.

Bước đánh giá hoạt động: Khuyến khích học sinh nhận xét, đánh giá về kết quả hoạt động của nhóm, mức độ tham gia của mỗi thành viên. Gợi mở cho học sinh phân tích sự phối hợp hoạt động giữa các thành viên trong nhóm, sự thể hiện các kỹ năng làm việc nhóm. Điều chỉnh, bổ sung trên cơ sở đánh giá đúng sự cố

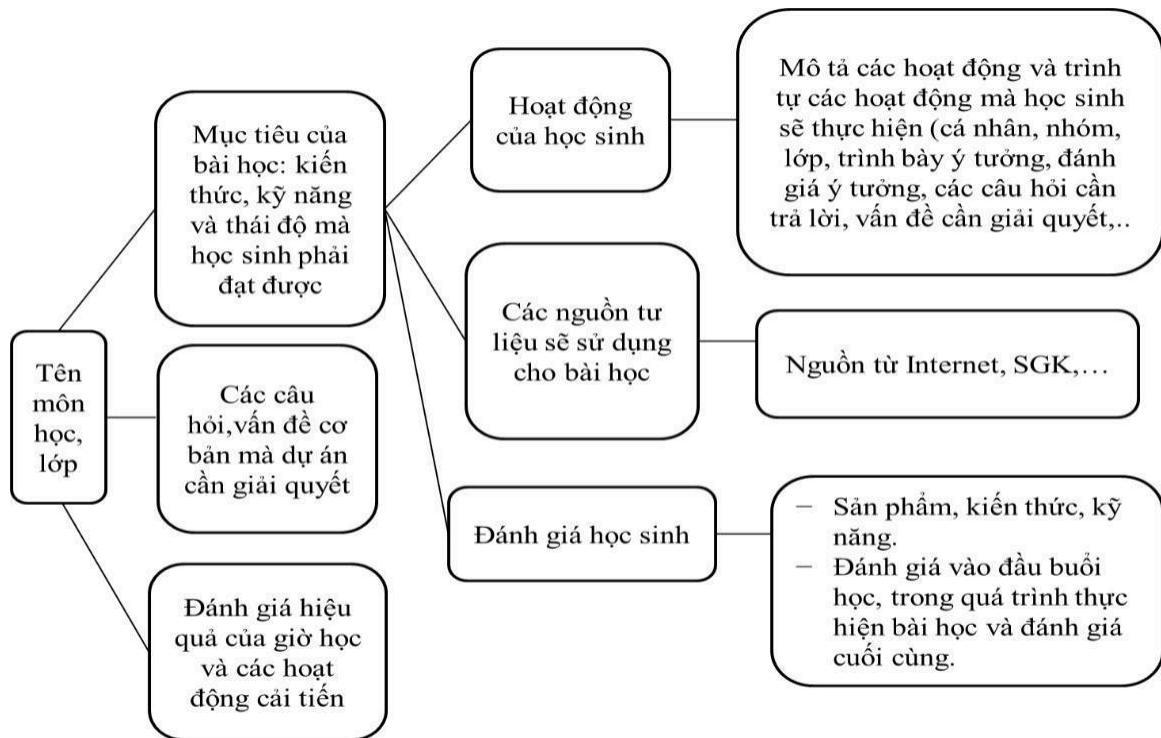
gắng của từng nhóm, chú trọng phân tích những kỹ năng làm việc nhóm mà học sinh đã thể hiện. Đưa ra những kết luận rõ ràng bao gồm kết quả hoạt động và mức độ thể hiện các kỹ năng làm việc nhóm.

Phương pháp dạy học dự án: Dạy học dự án là mô hình dạy và học trong đó việc học tập của học sinh được thực hiện một cách có hệ thống thông qua một loạt các thao tác từ thiết kế giờ học đến lập kế hoạch, giải quyết vấn đề, ra quyết định, tạo sản phẩm, đánh giá và trình bày kết quả để từ đó giúp học sinh phát triển kiến thức và kỹ năng. Dạy học dự án được thiết kế theo 5 bước sau:



Hình 1.1: Các bước thiết kế dạy học theo dự án

Thiết kế bài học theo phương pháp dạy học dự án:



Hình 1.2: Cách thiết kế bài học theo phương pháp dạy học dự án

1.1.2.4. Vai trò của hoạt động trải nghiệm

Hoạt động trải nghiệm giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp thông qua các chủ đề hoạt động gắn với những nội dung cụ thể về bản thân, quê hương, đất nước, con người. Hoạt động trải nghiệm giúp học sinh có cơ hội khám phá bản thân và thế giới xung quanh, phát triển đời sống tâm hồn phong phú, biết rung cảm trước cái đẹp của thiên nhiên và tình người, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; bồi dưỡng cho học sinh tình yêu đối với quê hương, đất nước, ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc để góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam.

Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành các kỹ năng sống cơ bản, thói quen sinh hoạt tích cực trong cuộc sống hàng ngày, nề nếp học tập ở nhà cũng như ở trường; biết tuân thủ các nội quy, quy định; bắt đầu có định hướng tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân; hình thành những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá; có ý thức làm việc nhóm, ý thức tham gia hoạt động lao động, hoạt động xã hội, hoạt động phục vụ cộng đồng; bước đầu biết cách tổ chức một số hoạt động đơn giản, làm quen và hình thành hứng thú với một số nghề gần gũi với cuộc sống của học sinh. Ngoài ra, hoạt động trải nghiệm ở tiểu học còn tập trung vào các hoạt động khám phá bản thân, hoạt động rèn luyện bản thân, hoạt động phát triển quan hệ với bạn bè, thầy cô và người thân trong gia đình. Các hoạt động xã hội và tìm hiểu một số nghề nghiệp gần gũi với học sinh cũng được tổ chức thực hiện với nội dung, hình thức phù hợp với lứa tuổi.

1.1.3. Một số đặc điểm nổi bật của học sinh lớp 1

1.1.3.1. Đặc điểm tâm, sinh lí của học sinh lớp 1

Tri giác của học sinh tiểu học nói chung và của học sinh lớp 1 nói riêng gắn liền với hành động và hoạt động thực tiễn, mang nặng tính cảm xúc. Học sinh lớp 1 hình thành hoạt động quan sát, nhờ đó mà tri giác của các em có mục đích.

Chú ý của học sinh tiểu học chủ yếu vẫn là chú ý không chủ định. Học sinh tiểu học, đặc biệt là học sinh lớp 1 thường chỉ chú ý đến những cái mà các em thấy

thích thú, nổi bật. Chú ý của các em không bền, thường các em chỉ tập trung trong khoảng 30 –35 phút. Sự chú ý của học sinh còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như nhịp độ bài học, tính khó dễ của bài, môi trường xung quanh,.. Học sinh lớp 1 không xác định được mục đích, nội dung và cách thức để ghi nhớ. Do vậy, các em ghi nhớ theo ý thích của bản thân. Đối với học sinh lớp 1, ghi nhớ trực quan – hình tượng tốt hơn ghi nhớ từ ngữ – logic. Các em có khuynh hướng ghi nhớ máy móc bằng cách lặp đi lặp lại nhiều lần.

Tưởng tượng của học sinh lớp 1 còn tản mạn, ít có tổ chức. Các hình ảnh tưởng tượng còn đơn giản, chưa bền vững, gắn liền với những hình ảnh sự vật cụ thể, chưa có tính sáng tạo. Tư duy của học sinh lớp 1 là tư duy cụ thể, mang tính hình thức bằng cách dựa vào những đặc điểm trực quan của những đối tượng, hiện tượng cụ thể.

Đi học lớp 1 là bước ngoặt quan trọng trong đời sống của trẻ. Hoạt động vui chơi ở tuổi mẫu giáo đã chuyển sang một hoạt động mới: hoạt động học tập. Sự chuyển đổi hoạt động chủ đạo này ở trẻ em tiểu học tác động lớn đến tâm lí của các em. Giáo viên cần nắm rõ đặc điểm này của trẻ để từng bước giúp các em làm quen và chuyển giai đoạn được tốt.

Các nhà khoa học nghiên cứu tâm sinh lí lứa tuổi học sinh 6 – 7 tuổi cho rằng, khối lượng bộ não ở lứa tuổi này đã đạt tới 90% khối lượng bộ não người lớn. Sự phát triển của những quá trình tâm lí: cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy,.. đã tạo điều kiện để các em có thể thực hiện và hoàn thành một hoạt động mới, hoạt động học tập. Đến lứa tuổi này, chơi là một hoạt động có ý thức, mang tính kế hoạch và đảm bảo nguyên tắc học mà chơi, chơi mà học.

Tuy nhiên, những hoạt động ở tuổi đi học của các em còn mới mẻ: thuộc bài, làm bài, kiểm tra bài, thực hiện những quy định và yêu cầu của giáo viên,.. khiến cho nhiều em cảm thấy căng thẳng, rụt rè. Các nhà giáo dục và giáo viên vừa phải xác định mục đích và động cơ học tập cụ thể để giúp trẻ quen với môi trường mới, hứng thú với việc học tập vừa phải nghiên cứu để luôn đưa ra những phương pháp và hình thức dạy học đa dạng, linh hoạt để gây hứng thú cho các em trong dạy học. Vì học sinh tiểu học là lứa tuổi luôn luôn hứng thú với những cái mới.

Ở lứa tuổi 6 – 7, các em đã có thể chủ động điều khiển các hoạt động của cơ thể bằng tay, mắt, đầu, cổ,.. và phối hợp nhiều động tác khác nhau. Đó là điều kiện để học viết – một hoạt động đòi hỏi phải chủ động trong các hoạt động của cánh tay, ngón tay, bàn tay trong sự phối hợp với mắt nhìn, tai nghe, tay viết. Đây là giai đoạn ý thức về cấu trúc không gian của trẻ đã hình thành. Sự phân biệt các hướng trong quan sát như: bên phải, bên trái, trên, dưới, trước, sau không còn khó khăn. Đây chính là điều kiện để giáo viên có thể hướng dẫn các em định hướng nét bút trên trang giấy và tập viết các chữ cái, các kiểu chữ khác nhau. Các em đã có thể phân tích cấu tạo chữ và nhận biết quy trình viết chữ, đủ những điều kiện cần thiết để tập viết. Tuy nhiên, do ý thức về không gian chưa đầy đủ, các em chỉ quan tâm tổng thể mà chưa thật chú ý tới quy trình, hoặc vẫn có sự nhầm lẫn về chiều hướng các nét chữ, vị trí các chữ cái,.. Vì vậy, khi dạy tập viết, cần chú ý hướng dẫn học sinh nhận biết cấu tạo chữ và quy trình viết chữ.

1.1.3.2. Đặc điểm ngôn ngữ học sinh lớp 1

Những hiểu biết về tiếng Việt và năng lực sử dụng lời nói của học sinh lớp 1 không đồng đều: phần lớn học sinh đã sử dụng ngôn ngữ nói (nghe, nói) khá thành thạo, một số ít đã biết đọc, biết viết trước khi đi học. Tuy nhiên, một số ít học sinh (học Tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai) lại mới chỉ nghe nói tiếng Việt ở mức độ đơn giản, thậm chí có em chưa hề biết sử dụng tiếng Việt. Vì vậy, giáo viên nên tìm hiểu sơ bộ về đặc điểm ngôn ngữ của học sinh. Với học sinh sử dụng tiếng mẹ đẻ là tiếng Việt, cần tận dụng những kinh nghiệm lời nói của các em vào việc học đọc, viết. Nếu các em sử dụng tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ khác (học tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ thứ hai) thì cần so sánh tiếng mẹ đẻ của các em với tiếng Việt, tìm điểm tương đồng và khác biệt để tận dụng những ưu điểm do sự gần gũi và hạn chế những khó khăn do sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ gây ra. Đối với học sinh từng vùng phương ngữ, cũng cần phải điều tra để biết những đặc điểm phát âm của địa phương các em có gây khó khăn gì cho việc học tiếng Việt, từ đó lựa chọn nội dung và phương pháp dạy học thích hợp với từng đối tượng.

Đối với các em học sinh, lớp 1 là một bước ngoặt quan trọng trong đời sống của mình. Bởi lúc này hoạt động chủ đạo của trẻ - hoạt động vui chơi ở giai đoạn mẫu giáo

đã chuyển sang một giai đoạn mới đó là hoạt động học tập. Các em trở thành những “cô cậu học sinh”. Tuy vậy, ở giai đoạn đầu lớp 1 khi học âm – chữ ,vẫn thì những hoạt động có ý thức này vẫn còn mới mẻ. chẳng hạn đến lớp các em phải thuộc bài, ngồi ngay ngắn, phải kiểm tra bài, phải thực hiện đúng yêu cầu của giáo viên,... Trong nhận thức của các em địa vị của người giáo viên lớp 1 đã khác với cô giáo mẫu giáo. Giáo viên có chỗ ngồi riêng, có cách nói riêng, có sự đánh giá cho điểm. Những điều này làm cho một số em trong giờ học âm vần thường rụt rè, không dám đọc to, đôi khi còn đọc lạc giọng làm ảnh hưởng đến hiệu quả giờ học vần . Dạy Âm vần nhằm tạo kỹ

năng và thói quen không thể có được nếu không lặp đi lặp lại các hành động cần thiết . Do đó, trong quá trình dạy vần giáo viên cần cho học sinh đọc nhiều , viết nhiều. Đồng thời giáo viên phải luôn thay đổi nội dung học đọc, học viết nếu không tiết học sẽ trở nên nhàm chán , không đạt được hiệu quả cao.

Tóm lại, bắt đầu từ lớp 1, các mặt ngôn ngữ của trẻ đã phát triển hoàn thiện. Mặc dù vẫn còn những em không phát âm được hoàn toàn các âm vị, thanh điệu hoặc bỏ sót một số nguyên âm nhưng cơ bản việc hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp, đặc biệt là kỹ năng nghe và nói sẽ không gặp cản trở gì. Ngôn ngữ có vai trò hết sức quan trọng đối với quá trình nhận thức cảm tính và lý tính của trẻ, nhờ có ngôn ngữ mà cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng của trẻ phát triển dễ dàng và được biểu hiện cụ thể thông qua ngôn ngữ nói và viết của trẻ. Thông qua khả năng ngôn ngữ ta có thể đánh giá được sự phát triển trí tuệ của trẻ.

1.2. Cơ sở thực tiễn của đề tài

1.2.1. Khảo sát chương trình sách giáo khoa

1.2.1.1. Mục đích khảo sát

- Có thống kê chính xác về số lượng tiết học cũng như bài học trong chương trình lớp 1
- Rút ra những thuận lợi và khó khăn khi giảng dạy.
- Đưa ra những biện pháp khắc phục phù hợp nhất với tình hình dạy học với từng lớp.

1.2.1.2. Nội dung khảo sát

- Theo sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1 bộ Kết nối tri thức với cuộc sống,
Cánh diều (phân môn Học vần).

1.2.1.3. Kết quả khảo sát



Bộ Kết nối tri thức và cuộc sống

- SGK Tiếng Việt 1 được chia thành 2 tập, tập một dành cho học kì 1 (18 tuần, mỗi tuần 12 tiết), tập hai dành cho học kì 2 (17 tuần, mỗi tuần 12 tiết)

Ngoài các bài học ở Tuần mở đầu (giúp HS làm quen với môi trường và hoạt động học tập ở lớp 1) và Tuần ôn tập, 16 tuần còn lại có 80 bài, mỗi tuần có 5 bài, gồm cả bài ôn tập và kể chuyện ở cuối tuần. Mỗi bài được dạy học trong 2 tiết, trình bày trong 2 trang sách. Ngoài ra, mỗi tuần còn có 2 tiết tập viết tăng thêm ngoài thời gian tập viết trong các bài học; trước khi viết, HS cũng được luyện đọc các từ ngữ luyện viết. Ngoài luyện viết và luyện đọc, thời gian còn lại của 2 tiết (nếu có) có thể dành để HS làm các bài tập nối, điền... được thiết kế trong vở bài tập.

Thiết kế nhiều bài học có 3 vần (đôi khi 4 vần). Các bài 3 hoặc 4 vần thường bao gồm những vần đơn giản (dễ đọc, dễ viết), phát âm gần nhau và viết tương tự nhau. Tất cả những chữ cái trong các vần đều đã được luyện viết trong phần âm chữ, vì vậy, việc viết chữ cái trong các vần không còn là vấn đề khó đối với HS. Việc đặt 3 vần (đôi khi 4 vần) đơn giản, phát âm gần nhau và viết tương tự nhau trong một bài giúp các em phát huy được khả năng loại suy khi đánh vần, rút ngắn được thời gian học các vần riêng lẻ. Các vần ít thông dụng, đặc biệt là vừa ít thông dụng vừa khó (24 vần), được học ở tập hai, lồng ghép vào văn bản đọc, tức gắn vần với từ ngữ chứa vần đó và đưa từ ngữ chứa vần đó vào ngữ cảnh giao tiếp, chứ không dạy thành bài riêng biệt như ở tập một.



Bộ Cánh diều

- Thời lượng dạy Âm vần trong chương trình lớp 1: 2 tiết/ bài, 4 bài/ tuần
- Phân phối chương trình phần Âm vần trong sách Tiếng Việt 1 bộ Cánh Diều:

Kì I

Bài 1: a c	Bài 47: om op
Bài 2: cà cá	Bài 48: ôm ôp
Bài 3: Kể chuyện: Hai con dê	Bài 49: om ọt
Bài 4: o ô	Bài 50: Kể chuyện: Vịt và sơn ca
Bài 5: cỏ cộ	Bài 51: Ôn tập
Bài 6: ơ d	Bài 52: um up
Bài 7: đ e	Bài 53: uôm
Bài 8: Kể chuyện: Chồn con đi học	Bài 54: ươm ượp
Bài 9: Ôn tập	Bài 55: an at
Bài 10: ê l	Bài 56: Kể chuyện: Sói và sóc
Bài 11: b bễ	Bài 57: Ôn tập
Bài 12: g h	Bài 58: ăn ăt
Bài 13: i ia	Bài 59: ân ât
Bài 14: Kể chuyện: Hai chú gà con	Bài 60: en et
Bài 15: Ôn tập	Bài 61: ên êt
Bài 16: gh	Bài 62: Kể chuyện: Sư tử và chuột nhắt
Bài 17: k gi	Bài 63: Ôn tập
Bài 18: kh m	Bài 64: in it
Bài 19: n nh	Bài 65: iết iên
Bài 20: Kể chuyện: Đôi bạn	Bài 66: yên yêt
Bài 21: Ôn tập	Bài 67: on ot
Bài 22: ng ngh	Bài 68: Kể chuyện: Mây đen và mây trắng
Bài 23: p ph	Bài 69: Ôn tập
Bài 24: qu r	Bài 70: ôn ôt
Bài 25: s x	Bài 71: on ọt
Bài 26: Kể chuyện: Kiến và bò cạp	Bài 72: un ut urt
Bài 27: Ôn tập	Bài 73: uôn uôt

Bài 28: t th	Bài 74: Kể chuyện: Thần gió và mặt trời
--------------	---

Bài 29: tr ch	Bài 75: Ôn tập
Bài 30: u u	Bài 76: uon uot
Bài 31: ua ura	Bài 77: ang ac
Bài 32: Kể chuyện: Dê con nghe lời mẹ	Bài 78: ăng ăc
Bài 33: Ôn tập	Bài 79: âng âc
Bài 34: v y	Bài 80: Kể chuyện: Hàng xóm
Bài 35: Chữ hoa	Bài 81: Ôn tập
Bài 36: am ap	Bài 82: eng ec
Bài 37: ăm ăp	Bài 83: iêng yêng iêc
Bài 38: Kể chuyện: Chú thỏ thông minh	Bài 84: ong oc
Bài 39: Ôn tập	Bài 85: ông ôc
Bài 40: âm âp	Bài 86: Kể chuyện: Cô bé và con gấu
Bài 41: em ep	Bài 87: Ôn tập
Bài 42: êm êp	Bài 88: ung uc
Bài 43: im ip	Bài 89: ung uc
Bài 44: Kể chuyện: 3 chú lợn con	Bài 90: uông uôc
Bài 45: Ôn tập	Bài 91: ương ươc
Bài 46: iêm yêm iêp	Bài 92: Kể chuyện: Ông lão và sếu nhỏ
	Bài 93: Ôn tập

Kì II

Bài 94 : anh ach	Bài 118 : oam oăm
Bài 95 : ênh êch	Bài 119 : oan oat
Bài 96 : inh ich	Bài 120 : oăn oăt
Bài 97 : ai ay	Bài 121 : uân uăt
Bài 98: Kể chuyện: Ong mật và ong bầu	Bài 122: Kể chuyện: Hoa tặng bà
Bài 99: Ôn tập	Bài 123: Ôn tập
Bài 100 : oi ây	Bài 124 : oen oet
Bài 101 : ôi ơi	Bài 125 : uyên uyêt
Bài 102 : ui ưi	Bài 126 : uyn uyt

Bài 103 : uôi ươi	Bài 127 : oang oac
Bài 104: Kể chuyện: Thổi bóng	Bài 128: Kể chuyện: Cá đuối cò
Bài 105: Ôn tập	Bài 129: Ôn tập
Bài 106 : ao eo	Bài 130 : oăng oăc
Bài 107 : au âu	Bài 131 : oanh oach
Bài 108 : êu iu	Bài 132 : uênh uêch
Bài 109 : iêu yêu	Bài 133 : uynh uych
Bài 110: Kể chuyện: Mèo con bị lạc	Bài 134: Chim họa mi
Bài 111: Ôn tập	Bài 135: Ôn tập
Bài 112 : uu ươu	Bài 136 : oai oay uây
Bài 113 : oa oe	Bài 137 : Vần ít gặp
Bài 114 : uê ươ	Ôn tập giữa học kì II
Bài 115 : uy uya	
Bài 116: Kể chuyện: Cây khế	
Bài 117: Ôn tập	

→ Về cấu trúc, SGK Cánh Diều cũng gồm hai phần Học vần và Luyện tập tổng hợp

như SGK năm 2002."

- Phần Học vần dạy chữ, dạy vần;

- Phần Luyện tập tổng hợp củng cố, phát triển các kiến thức và kỹ năng đã hình thành từ phần Học vần thông qua các bài tập đọc, viết, nghe và nói được tổ chức theo 3 chủ điểm Gia đình, Trường học (Nhà trường), Thiên nhiên (Thiên nhiên – Đất nước).

- Về dung lượng, mỗi bài ở phần Học vần thông thường chỉ dạy 2 chữ cái hoặc 2 vần, thậm chí có bài chỉ dạy 1 chữ cái hoặc 1 vần hay 1 dấu thanh. Các bài dạy chữ được sắp xếp chủ yếu theo nhóm nét chữ để học sinh dễ học viết: Bắt đầu bằng nhóm nét cong, chuyển sang nhóm nét khuyết, nét móc,... đồng

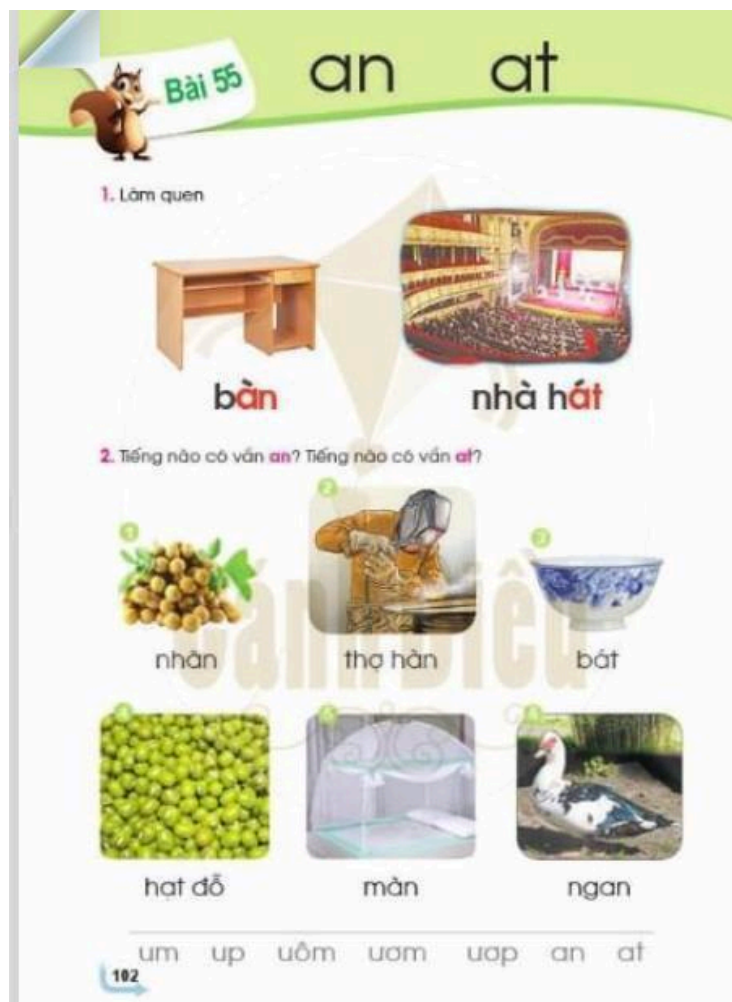
thời kết hợp dạy theo thứ tự bảng chữ cái, kết hợp yêu cầu chính tả,... Dưới chân trang mỗi bài dạy chữ, SGK giới thiệu cả chữ in hoa tương ứng với chữ cái mới học,

giúp học sinh dễ dàng tiếp cận với bài đọc có chữ hoa. SGK có mô hình đánh vần giúp GV dễ dạy, HS dễ học, phụ huynh HS cũng dễ dàng theo dõi và giúp đỡ

con em trong việc học. Mỗi bài học chữ, học vần đều có bài tập củng cố âm, vần mới học với các hình ảnh sinh động vừa có tác dụng củng cố âm, vần mới học vừa mở rộng vốn từ cho HS. Ngay từ những tuần đầu tiên, sách đã tận dụng những chữ, những vần HS đã biết để tạo ra những bài tập đọc có nghĩa, giúp HS phát triển kỹ năng đọc nhanh và vững chắc. Các bài đọc tăng dần đều số chữ với tần suất lặp lại những chữ và vần đã học rất cao, giúp HS không cần mất nhiều thì giờ ôn tập mà vẫn không quên chữ, quên vần. Nếu SGK hiện hành yêu cầu HS viết bảng con và viết vở ngay trong giờ học khiến HS gặp khó khăn vì phải thực hiện quá nhiều hoạt động trong cùng một tiết học thì SGK Cánh Diều sắp xếp mỗi tuần 2 tiết dành riêng cho hoạt động tập viết vào vở, giúp HS có thời gian viết thoải mái hơn.

Trong năm nay tôi đã được thực tập tại 2 ngôi trường Tiểu học khác nhau đó là trường Song ngữ liên cấp Greenfield và trường Tiểu học Nghĩa Tân. Với trường Greenfield ban lãnh đạo trường đã chọn bộ Kết nối tri thức với cuộc sống làm bộ sách mà trường sẽ sử dụng để dạy cho học sinh lớp 1 của mình. Còn với trường Nghĩa Tân, ban giám hiệu lại chọn bộ Cánh Diều để sử dụng. Rất may mắn khi tôi đã có cơ hội được trải nghiệm cả 2 bộ sách rất khác nhau này. Mỗi bộ sách đều có những điểm giống và khác nhau. Tuy còn có những điểm chưa được nhưng cả 2 bộ sách đều được giáo viên và phụ huynh tin tưởng để dạy cho con em mình. Cả 2 bộ sách đều có những ưu điểm như sử dụng các thuật ngữ, khái niệm, định nghĩa, số liệu, sự kiện, hình ảnh bảo đảm chính xác, khách quan, nhất quán và phù hợp với trình độ học sinh; các số liệu, sự kiện, hình ảnh có nguồn gốc rõ ràng. Các bài học trong chương trình thể hiện đúng, đủ, rõ mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của học sinh và yêu cầu về đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, làm cơ sở cho việc đánh giá chính xác kết quả giáo dục. Ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, các quy định về chính tả, các chữ viết, các kí hiệu đúng theo quy định của Bộ, thể hiện chính xác nội dung cần trình bày, phù hợp với lứa tuổi học sinh. Đặc biệt, cả 2 bộ sách đều có phần tranh, ảnh, bảng biểu, đồ thị, bản đồ, hình vẽ trong sách giáo khoa rõ ràng, chính xác, có tính thẩm mỹ, phù hợp với nội dung bài học, lứa tuổi học sinh và chỉ rõ nguồn trích dẫn. Vì là năm đầu tiên các bộ sách mới được đưa vào sử dụng nên vẫn còn những điểm thiếu sót cả về


nội dung và hình thức. Ở bộ Kết nối tri thức và cuộc sống tên bài học không nên đưa chữ in hoa vào sẽ tạo cảm giác rối cho học sinh. Ở bộ Cánh diều nên bổ sung cấu trúc tiếng (Gồm 2 phần: Phần đầu và phần vần) để cho học sinh nắm bắt cấu trúc ngữ âm ngay từ đầu và một số ngữ liệu chưa phù hợp với học sinh.



Bài 55: an – at – SGK Tiếng Việt 1 bộ Cánh diều

Bài 36 om ôm ơm ▶

1 Nhận biết






Hương cốm thơm thôn xóm. 🔊

2 Đọc

om ôm ơm

x om
xóm

khóm vòm nôm tôm bôm rom



đom đóm chó đốm mâm cơm

3 Viết

om ôm ơm
chó đốm mâm cơm

84

Bài 36: om - ôm - ơm – SGK Tiếng Việt 1 bộ Kết nối tri thức với cuộc sống

1.2.2. Thực trạng dạy và học Âm vần mới ở trường Tiểu học

Xác định tầm quan trọng của vấn đề, trong những năm qua, bộ phận chuyên môn của các trường Tiểu học đã có nhiều cố gắng trong công tác chỉ đạo, từng bước nâng dần chất lượng dạy và học phân môn này. Cuối mỗi năm học, đa số học sinh lớp 1 nói chung đều đạt được mục tiêu, đặc biệt là 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) quan trọng mà môn học đề ra.

Sau giai đoạn âm vần, về cơ bản các em đều đã đọc đúng các âm, vần, tiếng của tiếng Việt (trừ các vần khó, ít sử dụng); đọc trơn được các câu ngắn, các đoạn văn có độ dài khoảng 20 tiếng, có nội dung đơn giản phù hợp với lứa tuổi. Các em

cũng viết đúng khá đúng quy trình, đúng mẫu các chữ cái ghi âm, vần, tiếng, từ ngữ vừa học, viết đúng dấu thanh, chữ viết cỡ vừa rõ ràng, đúng nét, rõ khoảng cách và thẳng hàng. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung về chất lượng môn học vẫn còn 33

nhieu hạn chế. Nhiều học sinh đến cuối năm vẫn còn tình trạng: đọc chưa thông, viết chưa thạo; việc nhận diện, ghép vần, tiếng, kỹ năng đánh vần, đọc tron,...vẫn chưa thành thạo. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến kết quả này, song yếu tố bất cập trong giảng dạy của giáo viên là vấn đề đáng quan tâm. Một trong những hạn chế nổi bật là kỹ năng vận dụng, phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học trên lớp. Nhiều giáo viên còn rất lúng túng trong khâu lựa chọn, vận dụng phương pháp, biện pháp dạy học trong từng hoạt động.

Sau khi khảo sát SGK Tiếng Việt cũ và Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1 bộ Cánh diều tôi rút ra được một số nhận xét như sau. Về cấu trúc, SGK Cánh Diều cũng gồm hai phần Học vần và Luyện tập tổng hợp như SGK năm 2002. Ở phần Học vần dạy chữ, dạy vần; còn Phần Luyện tập tổng hợp củng cố, phát triển các kiến thức và kỹ năng đã hình thành từ phần Học vần thông qua các bài tập đọc, viết, nghe và nói được tổ chức theo 3 chủ điểm Gia đình, Trường học (Nhà trường), Thiên nhiên (Thiên nhiên – Đất nước). Về dung lượng, mỗi bài ở phần Học vần thông thường chỉ dạy 2 chữ cái hoặc 2 vần, thậm chí có bài chỉ dạy 1 chữ cái hoặc 1 vần hay 1 dấu thanh. Về quy trình dạy và học, các bài học âm vần được triển khai với quy trình gồm 6 bước: (1) Làm quen với từ khóa chứa âm, vần cần học; (2) Đánh vần; (3) Mở rộng vốn từ và củng cố âm vần mới học; (4) Làm quen với chữ ghi âm, vần mới học; (5) Tập đọc; (6) Tập viết âm, vần mới học và từ ngữ ứng dụng. Điều này giúp GV không bỡ ngỡ với SGK mới và có thể phát huy những kinh nghiệm đã tích lũy được trong quá trình dạy học theo SGK năm 2002. Các bài tập đọc, tập viết, chính tả, kể chuyện về cơ bản được dạy theo quy trình GV đã quen thuộc. Tính kế thừa vừa bảo đảm phát huy kết quả của những ưu điểm đã được kiểm nghiệm qua thực tế sử dụng SGK năm 2002, vừa giúp GV tự tin, tạo thuận lợi cho GV khi giảng dạy

Tuy nhiên SGK Tiếng Việt 1 của bộ Cánh Diều so với SGK Tiếng Việt 1 năm 2002 vẫn có những điểm khác nhau nhau như ở các bài học chữ, học vần - được sắp xếp chủ yếu theo nhóm nét chữ để học sinh dễ học viết: Bắt đầu bằng nhóm nét cong, chuyển sang nhóm nét khuyết, nét móc,... đồng thời kết hợp dạy theo thứ tự bảng chữ cái, kết hợp yêu cầu chính tả,... Dưới chân trang mỗi bài dạy chữ, SGK giới thiệu cả chữ in hoa tương ứng với chữ cái mới học, giúp học sinh dễ

dàng tiếp cận với bài đọc có chữ hoa. SGK có mô hình đánh vần giúp GV dễ dạy, HS dễ học, phụ huynh HS cũng dễ dàng theo dõi và giúp đỡ con em trong việc học. Mỗi bài học chữ, học vần đều có bài tập củng cố âm, vần mới học với các hình ảnh sinh động vừa có tác dụng củng cố âm, vần mới học vừa mở rộng vốn từ cho HS. Ngay từ những tuần đầu tiên, sách đã tận dụng những chữ, những vần HS đã biết để tạo ra những bài tập đọc có nghĩa, giúp HS phát triển kỹ năng đọc nhanh và vững chắc. Các bài đọc tăng dần đều số chữ với tần suất lặp lại những chữ và vần đã học rất cao, giúp HS không cần mất nhiều thì giờ ôn tập mà vẫn không quên chữ, quên vần. Các bài Luyện tập tổng hợp Trong phần Luyện tập tổng hợp có 2 kiểu bài lần đầu tiên xuất hiện trong SGK là Tự đọc sách báo và Góc sáng tạo. Trong giờ Tự đọc sách, báo, HS được rèn luyện khả năng tự học, tự đọc thông qua việc mang sách đến lớp để đọc dưới sự hướng dẫn của cô. Còn trong giờ Góc sáng tạo, HS được vận dụng những điều mình đã học, đã biết vào việc tạo lập các văn bản đa phương thức như: làm bưu thiếp tặng người thân; sưu tầm tranh ảnh hoặc vẽ tranh, trưng bày và giới thiệu (bằng 2 hình thức viết và nói) tranh ảnh về thiên nhiên, về thầy cô, bạn bè, gia đình và về bản thân. Đặc biệt, các kỹ năng nói và nghe trong SGK Cánh Diều được rèn luyện thông qua các hoạt động trả lời câu hỏi, trao đổi ý kiến, nghe viết, đồng thời được tập trung rèn luyện thông qua tiết kể chuyện hằng tuần. Nhiều câu chuyện trong tiết kể chuyện, được xây dựng thành video hoạt hình trên SGK điện tử kèm theo SGK giấy. Việc này vừa tạo ra hứng thú cho HS vừa hỗ trợ GV hướng dẫn HS kể chuyện. Ngữ liệu trong SGK Cánh Diều hầu hết là văn bản mới. Các văn bản này được xây dựng dưới dạng đa phương thức (kết hợp cả chữ viết với hình ảnh) và được lựa chọn, biên soạn, biên tập một cách kỹ càng, đáp ứng nhiều yêu cầu giáo dục. Các câu chuyện, bài thơ trong sách có nội dung phù hợp với học sinh và tạo hứng thú cho học sinh khi học. Về hình thức, SGK Cánh Diều trình bày đẹp, màu sắc trong sáng với hơn 1800 tranh ảnh vừa có tác dụng minh họa, vừa là nguồn tri thức quan trọng của bài học. Mỗi bài học trong sách thường được trình bày gọn trên 2 trang mở liền kề nhau giúp học sinh dễ theo dõi và thực hiện các yêu cầu rèn luyện.

Ngoài việc so sánh những điểm giống và khác nhau giữa sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1 bộ Cánh Diều và sách giáo khoa Tiếng Việt 1 cũ, tôi còn tiến hành

khảo sát về việc sử dụng sách giáo khoa Tiếng Việt 1 bộ Cánh Diều ở trường Tiểu học Nghĩa Tân.

❖ Mục đích:

- Nhằm đánh giá mức độ yêu thích của giáo viên và học sinh đối với Sách giáo khoa Tiếng Việt mới.
- Tìm hiểu những khó khăn thuận lợi của giáo viên khi dạy một bộ sách hoàn toàn mới.

❖ Đối tượng khảo sát

- Tôi tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 10 GV khối 1 và 30 HS lớp 1 ở trường Tiểu học Nghĩa Tân.

❖ Nội dung khảo sát:

- Phiếu khảo sát giáo viên và học sinh trường Tiểu học Nghĩa Tân khi sử dụng bộ sách Cánh diều (**Phụ lục 1**)

❖ Kết quả khảo sát:

- Đối với việc khảo sát GV trong việc sử dụng SGK Tiếng Việt 1 bộ Cánh Diều , tôi thống kê được 70% GV cho rằng SGK Tiếng Việt bộ Cánh Diều có nội dung hấp dẫn, phù hợp và gây hứng thú đối với các em học sinh. Tuy nhiên, 30% GV cho rằng cách sắp xếp trong sách khiến tiến trình bài học đôi khi trở nên quá nhanh khiến HS không theo kịp bài học. Đặc biệt, có một số ý kiến cho rằng ngữ liệu mà sách

đưa ra đôi khi không phù hợp với học sinh lớp 1, khiến GV cũng như cha mẹ HS khó có thể giải thích cho các em hiểu được.

- Đối với các em học sinh, 100% HS cho rằng sách có hình thức, tranh

ảnh đẹp mắt, gây ấn tượng mạnh với các em. Đa số các em đều thích các từ ngữ và hình ảnh mà sách đưa ra.

1.2.3. Thực trạng của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh Tiểu học trong dạy học Âm văn hiện nay

Những năm gần đây các trường Tiểu học đã bắt đầu quan tâm chú ý tới việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Tuy nhiên, việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm còn mang nặng tính hình thức do chưa nắm rõ được quy trình và

hiểu đơn giản rằng tổ chức hoạt động trải nghiệm chỉ là tham quan thực tế mà chưa thực hiện cụ thể trong từng môn học. Kết quả điều tra cho thấy giáo viên đã nhận thức đúng về vai trò, đặc điểm của hoạt động trải nghiệm cho trẻ. Tuy nhiên, do chưa hiểu rõ về bản chất hoạt động trải nghiệm chưa nắm được quy trình tổ chức, phương pháp hướng dẫn, đánh giá trẻ nên giáo viên tổ chức hoạt động cho học sinh tiểu học chưa theo đúng quy trình, mang tính hình thức, gây lãng phí mà không hiệu quả.

Đặc biệt, trong phân môn Âm vận, giáo viên vẫn chỉ dựa vào sách giáo khoa và truyền đạt lại kiến thức cho học sinh một cách thụ động. Học sinh ít được chủ động tham gia các hoạt động trải nghiệm tự tìm tòi kiến thức hoặc giải quyết một vấn đề nào đó liên quan đến phân môn Âm vận. Bên cạnh đó, một số điều kiện về cơ sở vật chất, môi trường,... cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học phân môn Âm vận khiến cho các hoạt động trải nghiệm chưa thực sự đem lại hiệu quả cao.

Ở phần này tôi đã tiến hành khảo sát việc áp dụng hoạt động trải nghiệm vào việc dạy học Âm vận ở khối lớp 1 trường Tiểu học Nghĩa Tân.

tôi còn tiến hành khảo sát về việc sử dụng sách giáo khoa Tiếng Việt 1 bộ Cánh Diều ở trường Tiểu học Nghĩa Tân.

❖ Mục đích:

- Tìm hiểu về khó khăn khi áp dụng hoạt động trải nghiệm vào dạy học Âm vận
- Tìm hiểu nhu cầu việc áp dụng hoạt động trải nghiệm vào dạy và học Âm vận của học sinh Tiểu học và giáo viên
- Xây dựng cơ sở cho mục đích nghiên cứu xây dựng hoạt động trải nghiệm trong dạy học Âm vận cho HS lớp 1.

❖ Đối tượng khảo sát

- Tôi tiến hành khảo sát ngẫu nhiên 10 GV khối 1 và 30 HS lớp 1 ở trường Tiểu học Nghĩa Tân.

❖ Nội dung khảo sát: **(Phụ lục 2)**

– Phiếu khảo sát nhu cầu áp dụng hoạt động trải nghiệm trong dạy học Âm
vân dành cho GV

– Phiếu khảo sát nhu cầu áp dụng hoạt động trải nghiệm trong học Âm vân
đối với học sinh lớp 1

❖ Kết quả khảo sát:

Thông qua phiếu khảo sát, tôi thu thập được số liệu như sau: 100% HSTH yêu thích và hứng thú với việc áp dụng hoạt động trải nghiệm vào việc học Âm vân của mình. Tuy nhiên đa số các em chưa được tham dự vào các tiết học áp dụng hoạt động trải nghiệm nào trong quá trình học tập nên vẫn còn chưa hiểu rõ thế nào là áp dụng hoạt động trải nghiệm vào việc học Âm vân.

Trong khi về phía GV, 99% GV đều biết đến việc áp dụng hoạt động trải nghiệm để giảng dạy, nghiên cứu trong các môn học giảng dạy. Tuy nhiên, lượng GV áp dụng hoạt động trải nghiệm trong dạy học không nhiều bởi đa phần GV nhận thấy việc áp dụng hoạt động trải nghiệm trong dạy học còn hạn chế, và để có thể xây dựng được một tiết học hoạt động trải nghiệm cần nhiều thời gian, công sức, tiền bạc. Vì vậy, qua khảo sát GV đều muốn biết thêm những cách tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp với các yếu tố về thời gian, công sức, sự trải nghiệm của học sinh để dễ dàng trong sử dụng giảng dạy.

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động trải nghiệm của học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp 1 nói riêng cần xây dựng mô hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ một cách hoàn chỉnh với các thành phần cấu trúc rõ ràng, cụ thể và có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên đảm bảo hiệu quả của quá trình giáo dục, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học hiện nay.

Tiểu kết chương 1

Ở chương 1, tôi đã đi sâu vào vấn đề nghiên cứu cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn của đề tài. Tôi đã trình bày những nội dung cơ bản của hoạt động trải nghiệm:

phân tích để hiểu rõ hơn thế nào là hoạt động trải nghiệm; những đặc điểm của hoạt động trải nghiệm và đưa ra một số hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường Tiểu học. Bên cạnh đó, tôi còn tìm hiểu sâu về tâm lý học sinh lớp

1 cũng như những tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm đối với sự hình thành và phát triển nhân cách học sinh. Hoạt động trải nghiệm hình thành cho học sinh thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày, chăm chỉ lao động; thực hiện trách nhiệm của người học sinh ở nhà, ở trường và địa phương; biết tự đánh giá và

tự điều chỉnh bản thân; hình thành những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá; có ý thức hợp tác nhóm và hình thành được năng lực giải quyết vấn đề. Ngoài ra, ở chương này tôi đã khảo sát chương trình sách giáo khoa lớp 1 phân môn Âm vắn nhằm lập bảng thống kê chính xác về số lượng tiết học cũng như bài học trong chương trình lớp, rút ra những thuận lợi và khó khăn khi giảng dạy và đưa ra những biện pháp khắc phục phù hợp nhất với tình hình dạy học với từng lớp. Hiện nay, khi dạy Âm vắn, giáo viên vẫn chỉ dựa vào sách giáo khoa và truyền đạt lại kiến thức cho học sinh một cách thụ động. Học sinh ít được chủ động tham gia các hoạt động trải nghiệm tự tìm tòi kiến thức hoặc giải quyết một vấn đề nào đó liên quan đến phân môn Âm vắn. Bên cạnh đó, một số điều kiện về cơ sở vật chất, môi trường,... cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong dạy học phân môn Âm vắn khiến cho các hoạt động trải nghiệm chưa thực sự đem lại hiệu quả.

CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH LỚP 1 TRONG DẠY HỌC ÂM VẦN

2.1. Yêu cầu khi tổ chức hoạt động trải nghiệm

2.1.1. *Đảm bảo khung logic của các hoạt động trong một chủ đề hoạt động trải nghiệm*

Trước và trong khi thiết kế, bản thân mỗi giáo viên cần hình dung trong đầu và trả lời được các câu hỏi sau theo một trật tự logic: Lựa chọn chủ đề, đặt tên chủ đề. Xác định mục tiêu, nội dung, thời gian, nhân lực tiến hành chủ đề. Xác định rõ các hoạt động, trong đó hoạt động nào hướng đến mục tiêu nhận thức, hoạt động nào hướng tới mục tiêu hình thành kỹ năng hoặc kết hợp cả hai hoạt động.

Trong các hoạt động của chủ đề, cần chú ý phân bố các loại hoạt động: Hoạt động khai thác trải nghiệm đã có của học sinh. Hoạt động trải nghiệm mới nhằm hình thành kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị mới (kinh nghiệm mới) và hoạt động sáng tạo của học sinh.

Lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp với mục tiêu và các nội dung, đảm bảo được sự trải nghiệm và sáng tạo của học sinh.

Sắp xếp trật tự logic các hoạt động trong chủ đề như thế nào để đảm bảo các yêu cầu của học tập trải nghiệm: khai thác kinh nghiệm đã có, phản hồi kinh nghiệm, hình thành kinh nghiệm mới dưới dạng kiến thức mới, thái độ mới, kỹ năng mới, hay các sản phẩm sáng tạo cụ thể.

Đánh giá kết quả hoạt động như thế nào để đảm bảo thấy được mức độ đạt được của nội dung với mục tiêu đặt ra, chú ý đánh giá sự trải nghiệm và sáng tạo của học sinh bằng phương pháp phù hợp

2.1.2. *Đảm bảo sự trải nghiệm của học sinh*

Cách thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm cần tạo điều kiện tối đa để người học được trực tiếp tham gia vào các loại hình hoạt động dạy học và các mối quan hệ giao lưu phong phú đa dạng trong giờ học một cách tự giác.

Người học được trải qua các hoạt động thực tiễn, được trực tiếp tham gia hoạt động trong các tình huống dạy học và giáo dục cụ thể.

Quy trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm phải đảm bảo các bước cơ bản của học tập trải nghiệm. Khai thác những trải nghiệm, kinh nghiệm đã có. Thử nghiệm tích cực. Hình thành kinh nghiệm mới (kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị mới) cho người học.

Người học được thực hành, luyện tập với các vai trò khác nhau trong các tình huống dạy học, trong các hoàn cảnh khác nhau.

Người học được thử nghiệm, thể nghiệm bản thân trong thực tế giờ học, từ đó hiểu mình hơn, tự phát hiện những khả năng của bản thân cũng như tự rèn luyện bản thân.

Người học được tương tác, giao tiếp trực tiếp với sự vật hiện tượng, con người (Với con người: bạn, nhóm bạn, tập thể lớp, thầy cô giáo và những người khác. Với sự vật hiện tượng: các đồ dùng, thiết bị dạy học, các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, môi trường xung quanh,..).

Người học thực sự là một chủ thể tích cực, chủ động, sáng tạo khi chiếm lĩnh các tri thức và kỹ năng kỹ xảo hành động. Nếu người học tham gia hoạt động một cách thụ động, bị ép buộc thì không thể có trải nghiệm. Chỉ khi người học tự giác thì họ mới có những thử nghiệm tích cực. Kinh nghiệm chỉ được hình thành khi người học tự giác, có ý thức tham gia hoạt động.

Trải nghiệm luôn chứa đựng hai yếu tố không thể tách rời, đó là: hành động và xúc cảm, thiếu một trong hai yếu tố đó đều không thể mang lại hiệu quả giáo dục.

Kết quả của trải nghiệm là hình thành được kinh nghiệm mới (kiến thức - hiểu biết mới, năng lực mới, thái độ, giá trị mới,..).

2.1.3. Đảm bảo môi trường để học sinh sáng tạo

Yêu cầu đảm bảo về môi trường tổ chức hoạt động trải nghiệm: Môi trường tổ chức hoạt động trải nghiệm cần phong phú, đa dạng và chứa đựng các thách thức đối với học sinh.

Yêu cầu đảm bảo về bầu không khí tâm lý cởi mở và tin tưởng trong tập thể hoạt động: Đó là một môi trường cho sự tự do tư tưởng, tự do tranh luận, khuyến

khích việc nảy sinh ý tưởng thông qua hoạt động tương tác giữa các cá nhân với nhau diễn ra trong quá trình học tập hay làm việc cùng nhau.

Yêu cầu đảm bảo về tính thống nhất giữa việc vạch kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm và việc thực hiện triển khai kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm của nhà trường, của giáo viên.

Yêu cầu đảm bảo phát huy vai trò tự giác, tích cực, độc lập nhận thức và hành động của từng học sinh dưới vai trò hướng dẫn của giáo viên.

Yêu cầu đảm bảo về sự đánh giá cao và khuyến khích các phong cách thể hiện ý tưởng khác biệt, tư duy phê phán, ra quyết định thực hiện công việc của từng học sinh.

2.2. Quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Âm vận

Theo Bộ GD-ĐT (2018b), các nội dung của HĐTN ở Tiểu học nằm ở giai đoạn giáo dục cơ bản, cụ thể: Tập trung vào các hoạt động khám phá, rèn luyện bản thân, hoạt động phát triển quan hệ với bạn bè, thầy cô và người thân trong gia đình. Các hoạt động xã hội và tìm hiểu một số nghề nghiệp gần gũi với HS cũng được tổ chức thực hiện với nội dung, hình thức phù hợp với lứa tuổi. Mặt khác, ở trường tiểu học hiện nay, việc tổ chức các HĐTN phụ thuộc vào sự chủ động, tự giác của đội ngũ GV của nhà trường. Do đó, khi tổ chức một HĐTN trong dạy học Âm vận ở tiểu học, GV cần thực hiện theo một quy trình nhất định để các HĐTN tích hợp vào trong các hoạt động học tập một cách hợp lí, mang lại hiệu quả học tập tích cực đối với HS.

Dựa trên cơ sở lí thuyết về HĐTN của David A. Kolb (2015), tôi đề xuất quy trình tổ chức HĐTN trong dạy học Âm vận ở Tiểu học gồm 4 bước sau:

Bước 1: Giới thiệu HĐTN. Trước khi tiến hành tổ chức hoạt động, GV cần giới thiệu cho HS về hoạt động mà các em sẽ tham gia như: tên hoạt động, mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động. HS khối lớp 1 và lớp 2 chủ yếu sử dụng biểu tượng để ghi nhớ. Do vậy, GV có thể giới thiệu HĐTN thông qua tranh ảnh, mô hình, biểu tượng sinh động.

Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ trải nghiệm cho HS. GV sẽ truyền đạt một cách rõ ràng, ngắn gọn, đầy đủ nội dung, nhiệm vụ, thời gian, yêu cầu, thứ tự thực hiện, cách đánh giá kết quả. Sau đó, GV sẽ lắng nghe ý kiến phản hồi và giải đáp những thắc mắc từ HS. Trong giai đoạn này, GV có thể nhắc nhở, ghi chú cho HS các yếu tố như: đối tượng thực hiện, thời gian, nhiệm vụ từng nhóm, từng cá nhân.

Bước 3: Tổ chức HĐTN.-Trải nghiệm cụ thể. Tổ chức cho HS tham gia các trải nghiệm cụ thể thông qua một câu hỏi động não, một trò chơi, hoặc tổ chức tham quan dã ngoại liên quan đến nội dung học tập, qua đó ôn tập, đánh giá được kiến thức, kỹ năng đã có của HS trước khi vào vấn đề mới. Tùy theo nhiệm vụ cụ thể, HS huy động những kiến thức, kinh nghiệm đã có của mình liên quan đến việc giải quyết nhiệm vụ, tình huống học tập đó. Quan sát, đối chiếu, phản hồi. Sau khi trải nghiệm cụ thể, HS sẽ suy nghĩ, có các ý tưởng, nhận định về sự vật, hiện tượng. GV cần bao quát, kịp thời điều chỉnh, hướng HS vào các HĐTN; tạo điều kiện cho các nhóm (hoặc cá nhân) đều được tham gia trải nghiệm; ghi nhận những kết quả, ý tưởng mà HS tạo ra; sử dụng những câu hỏi gợi mở, hỗ trợ HS trong quá trình trải nghiệm và xử lý kết quả trải nghiệm. Hình thành tri thức mới: Thông qua việc giải quyết các vấn đề ở trên, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV, mỗi nhóm, cá nhân sẽ trình bày kết quả làm việc của nhóm mình, từ đó GV lựa chọn những phán đoán, cách giải quyết vấn đề phù hợp để hình thành kiến thức mới cho HS. Vận dụng tri thức mới: HS vận dụng những kết quả trải nghiệm ở giai đoạn 3 vào giải quyết nhiệm vụ hoặc vấn đề học tập gắn liền với thực tiễn, từ đó khắc sâu thêm kiến thức mới vừa được lĩnh hội.

Bước 4: Đánh giá HĐTN: Đây là bước cuối cùng và quan trọng nhất của hoạt động, GV đánh giá lại toàn bộ quá trình HĐTN, các mức độ đạt được về phẩm chất, năng lực của từng HS, giúp các em có cơ hội nhìn nhận, chiêm nghiệm lại những hoạt động mình đã trải qua, những gì làm được, chưa làm được, cần cố gắng ở kiến thức, kỹ năng nào. Đối với HS tiểu học, cần hướng đến những cảm xúc của HS bởi sẽ có một số em gặp khó khăn trong học tập. Những cảm xúc tiêu cực đó

cần được GV và các bạn hỗ trợ để vượt qua, tiếp tục thực hiện hoạt động. Bên cạnh đó, GV sẽ hướng đến cảm xúc tích cực của các em khi tham gia như: rất vui khi được tham gia, rất ngạc nhiên với kiến thức thu nhận được, rất tự hào khi giải quyết được các nhiệm vụ. Việc các em tự hào về hành động của bản thân, sự thay đổi của bản thân sẽ dẫn đến các hành động được lặp đi lặp lại, trở thành nhu cầu thiết yếu, thói quen của các em chứ không còn là bài tập, nhiệm vụ được giao

2.3. Một số hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Âm văn

2.3.1. Tổ chức hoạt động trải nghiệm bằng hình thức đóng vai

Hình thức đóng vai là hình thức dạy học trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh giải quyết một tình huống của nội dung học tập gắn liền với cuộc sống thực tế bằng cách diễn xuất ngẫu hứng không cần luyện tập kịch bản trước. Hình thức đóng vai nhằm giúp học sinh thể hiện tình huống giao tiếp bằng cách đóng vai nhân vật giao tiếp, trau dồi trí tưởng tượng, rèn kỹ năng nói trong hội thoại, biết thể hiện ngữ điệu, cử chỉ, hành động khi vào vai nhân vật. Phương pháp này thường dùng khi dạy các bài nói kiểu tình huống giao tiếp, hoặc trò chuyện, hỏi - đáp về một đề tài.

Lưu ý khi sử dụng hình thức đóng :

- Khi tổ chức đóng vai, cần kết hợp với phương pháp kể chuyện, thảo luận ... để tạo điều kiện cho nhiều học sinh được tham gia. Giáo viên cần lưu ý học sinh chú ý theo dõi, có thái độ đúng đắn và vỗ tay tán thưởng sau khi bạn thể hiện vai diễn.
- Ngoài ra, giáo viên cần biến đổi tình huống giao tiếp đã cho để tạo ra các bài tập tình huống giao tiếp mới phù hợp với từng đối tượng học sinh và giúp học sinh tiến hành bài tập từ đó rèn luyện kỹ năng nói cho các em một cách có hiệu quả.

Ví dụ: Trong bài 65 yên – iết (SGK Tiếng Việt 1 tr 118 -119 bộ Cánh Diều) giáo viên có thể đưa ra một tình huống là trong giờ học 2 bạn nhỏ có xảy ra mâu thuẫn và cho học sinh thảo luận và đóng vai 2 bạn nhỏ trong câu chuyện. Diễn tả lại sự việc đã xảy ra giữa 2 bạn. Giáo viên khuyến khích học sinh có thể sử dụng lời nói của bản thân để tình huống trở nên hay và sinh động hơn không phụ thuộc hoàn toàn vào SGK. Sau khi cho học sinh diễn lại tình huống có trong SGK, giáo viên có thể yêu cầu HS hãy tự nghĩ ra tình huống mới, hỏi xem HS sẽ sử dụng những lời nói như thế nào trong tình huống đấy.



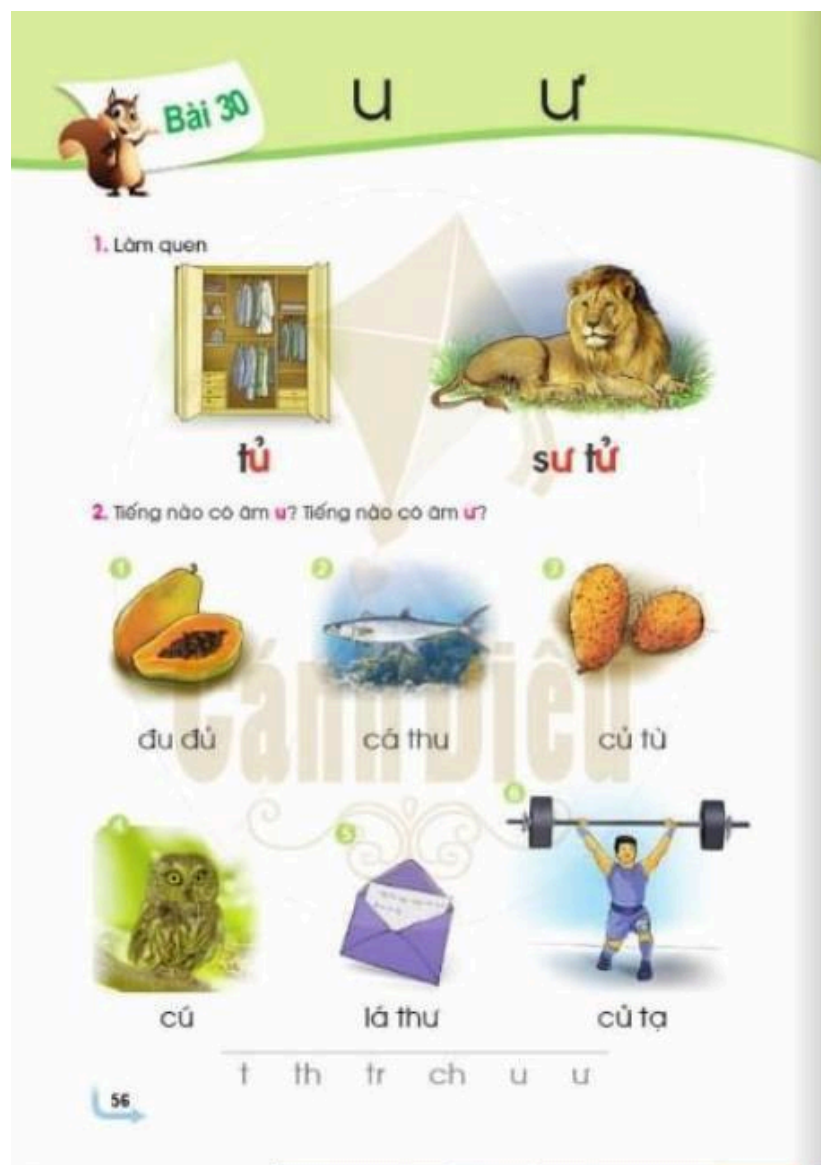
2.3.2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm bằng hình thức sân khấu hóa

Trải nghiệm qua sân khấu hóa là hình thức trải nghiệm sáng tạo ở không gian hẹp như lớp học, sân trường. Qua hoạt động này học sinh bộc lộ năng lực diễn xướng, đóng kịch, đạo diễn, biên đạo,.. đồng thời thể hiện việc tích hợp kiến thức liên môn như âm nhạc, mỹ thuật,.. cho các bài học trên lớp. Hình thức này có sự thu hút mạnh mẽ đối với học sinh. Được sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh sẽ tự biên, tự diễn những tác phẩm văn học quen thuộc sang lĩnh vực âm nhạc, kịch nói,... Sau khi được hóa thân vào các nhân vật, các bạn nhỏ được say sưa chia sẻ về cảm nhận của mình khi được sống lại trong không khí của những tác phẩm đó. Các bạn nhỏ được cùng nhau thảo luận, đưa ra những suy nghĩ của mình về nhân vật mình thể hiện. Tuy nhiên cần lưu ý, khi học sinh chuyển thể các tác phẩm văn học sang kịch, giáo viên cần hướng dẫn các em tuân thủ văn bản gốc, không thêm những tình tiết ngoài văn bản để tránh gây phản cảm, lố bịch. Trong số các hình

thức và tổ chức dạy học các chuyên đề tự chọn, hình thức sân khấu hóa tác phẩm hoặc trích đoạn tác phẩm văn học là một hướng dạy học dự án, dạy học chuyên đề khá hay và có tính khả thi rất cao.

Ví dụ: Bài 30: u - ư (SGK Tiếng Việt 1 tập 1, trang 56 bộ Cánh Diều)

Sau khi học xong phân âm vần mới giáo viên có thể đưa sẵn phần Tập đọc sẽ được học lên bảng và yêu cầu học sinh hãy quan sát và thảo luận nhóm rồi lên diễn lại câu chuyện diễn ra giữa chó xù và sư tử. Tích hợp với kể lại câu chuyện, giáo viên có thể yêu cầu HS hãy thay thế lời nói của chó xù và sư tử bằng những từ chứa âm u – ư vừa được học.



2.3.3. Tổ chức hoạt động trải nghiệm bằng cách sử dụng các tình huống giao tiếp giả định

Trong giáo dục ngôn ngữ, để học sinh có thể ứng dụng các kiến thức ngôn ngữ vào đời sống, bài tập ngôn ngữ tốt nhất nên là sự mô phỏng các tình huống giao tiếp có thật trong cuộc sống để học sinh có thể dễ dàng tìm thấy hứng thú và ích lợi của việc luyện tập. Từ đó bản thân các em sẽ nỗ lực giải quyết các vấn đề mà bài tập đặt ra, cuối cùng đi đến việc hình thành các kinh nghiệm và kỹ năng giao tiếp cần thiết. Các bài tập ấy sẽ là sự mô phỏng các tình huống sử dụng ngôn ngữ thật trong cuộc sống hoặc là cung cấp đầy đủ các nhân tố giao tiếp làm cơ sở để học sinh có thể tạo lập văn bản (cả ở dạng nói và viết) sao cho phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp, mục đích giao tiếp và vai giao tiếp cụ thể. Vì vậy, bài tập tình huống có vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành và rèn luyện kỹ năng giao tiếp. Đồng thời dạy tiếng Việt trong tình huống giao tiếp cũng chính là giảng dạy gián tiếp các kiến thức về hội thoại nói riêng và ngữ dụng học nói chung. Đó là cách tiếp cận và nghiên cứu hội thoại trong môi trường giao tiếp thực của nó.

Trong đời sống, khi giao tiếp, các tình huống cụ thể xuất hiện một cách tự nhiên và con người tham gia vào đó một cách cũng tự nhiên. Tuy nhiên trong quá trình dạy học, tình huống giao tiếp thực thường xuất hiện tự phát, nằm ngoài sự kiểm soát của giáo viên. Chính vì vậy, tình huống thực khó có thể bảo đảm hình thành ở học sinh những kỹ năng, kỹ xảo cần thiết. Do đó, trong dạy học ngôn ngữ, giáo viên cần chủ động tạo dựng những – tình huống học tập, tạo ra nhu cầu giao tiếp để khắc phục hố sâu ngăn cách giữa vốn tri thức ngôn ngữ với việc sử dụng chúng như một công cụ giao tiếp, tập dượt trước cho học sinh cách ứng xử trong những tình huống mà họ sẽ gặp trong cuộc sống, hình thành ở học sinh năng lực giao tiếp. Người ta gọi đó là tình huống giao tiếp giả định.

Dù là giả định nhưng các tình huống giao tiếp đó cũng phải bao hàm đầy đủ các yếu tố của ngữ cảnh, cũng thể hiện rõ chức năng và mục đích của giao tiếp, ... cùng với vấn đề cần giải quyết trong cuộc giao tiếp đó. Tình huống giao tiếp giả định thực chất là một tình huống giao tiếp có thật, đã xảy ra trong đời sống nay

được mô tả và đưa vào nhà trường. Vì vậy, tình huống giao tiếp giả định càng giống thật thì càng có tác dụng sư phạm khi học sinh thực hiện để luyện tập kỹ năng và học hỏi kinh nghiệm ứng xử trong hội thoại. Nói khác đi, tình huống giao tiếp giả định chính là tình huống giao tiếp có thật trong đời sống được di chuyển vào lớp học, tạo ra bối cảnh để luyện tập giao tiếp và kỹ năng hội thoại cho học sinh. Một tình huống giao tiếp giả định thường gồm hai phần: phần một, mô tả tình huống giao tiếp giả định; phần hai, nêu ra nhiệm vụ của học sinh cần thực hiện.

VD: Bài 64: ôi, ơi (SGK Tiếng Việt 1 tập 2, tr. 16-17 bộ Cánh Diều)

– Mục tiêu:

- + HS biết cách nói lời xin lỗi khi mắc lỗi
- + HS biết cách nhận lỗi

– Cách tổ chức:

Bài tập 1: Cho học sinh tìm những câu nói thể hiện sự xin lỗi (4-5 HS)

Bài tập 2: Chia lớp thành những nhóm 4, đóng một tình huống mà con cần nói lời xin lỗi. GV có thể lấy ví dụ tình huống như sau:

Bạn Nam đi học muộn và khi vào lớp bạn đã nói với cô: “Con xin lỗi cô vì con đi học muộn! Con xin phép cô cho con vào lớp ạ.”



2.3.4. Tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài không gian lớp học

Không chỉ dạy những bài học gắn liền với thực tế đời sống, giáo viên còn có thể cho học sinh kiểm nghiệm lại những gì đã học được bằng những chuyến đi thực tế. Đây là hình thức trải nghiệm ở không gian rộng. Tuy tốn nhiều thời gian, công sức, kinh phí nhưng qua đó học sinh được học thêm về kỹ năng sống, bộc lộ những năng lực của bản thân.

Bài học trải nghiệm sáng tạo cũng có thể thông qua hoạt động đi tham quan những làng nghề, hay bảo tàng, di tích lịch sử trong những ngày nghỉ cuối tuần, để trẻ hiểu biết và tự hào hơn về truyền thống hào hùng của cha ông. Không chỉ cho trẻ bổ túc thêm những kiến thức về xã hội, cha mẹ và nhà trường nên cố gắng cùng các con tham gia những chuyến thám hiểm rừng xanh hay đùa vui cùng biển sóng. Qua đó, trang bị cho bé những hiểu biết cơ bản về tài nguyên rừng và biển của đất nước. Chắc chắn chúng sẽ hứng thú với việc khám phá về hệ động, thực vật đa dạng và phong phú của rừng và biển. Đề nghị trẻ nghĩ ra những cách giữ gìn nguồn nước biển và bảo vệ lá phổi xanh của đất nước. Hình thành ở trẻ niềm đam mê và xây

dựng ý thức tự giác bảo vệ môi trường. Cuộc đời là những chuyến phiêu lưu, trẻ sẽ trưởng thành thật sự từ những chuyến trải nghiệm đó. Gia đình và nhà trường hãy dành cho trẻ nhiều cơ hội để được trải nghiệm và sáng tạo. Cho trẻ trải nghiệm các cung bậc cảm xúc - trẻ sẽ trưởng thành hơn. Tạo mọi điều kiện cho trẻ đến thăm các bạn nhỏ ở trại mồ côi hoặc trường khuyết tật để giúp bé có trải nghiệm và nhận thấy mình là người may mắn và hiểu được giá trị của cuộc sống. Nhất là đối với những bé thường có mặc cảm, tự ti về một khuyết điểm nào đó trên cơ thể mình. Hãy khuyến khích con biết giữ gìn những món đồ chơi, những quyển vở, sách giáo khoa, truyện tranh và áo quần cũ để tặng các bạn nhỏ bất hạnh nhân những chuyến thăm. Những việc làm tuy nhỏ bé này nhưng sẽ hình thành ở trẻ lòng yêu thương con người, biết chia sẻ những gì mình có với những mảnh đời không may mắn. Đề nghị trẻ đưa ra ý tưởng về các cách chăm sóc và chia sẻ những trường hợp bé gặp phải. Khuyến khích trẻ tham gia các hoạt động ngoại khóa như gia nhập đội tình nguyện giúp đỡ những gia đình neo đơn và có hoàn cảnh khó khăn, trắc trở.

Dạy học ngoài không gian lớp học (dạy ngoài thiên nhiên) HS được mở rộng tầm mắt ra ngoài 4 bức tường lớp học để quan sát thực tế bên ngoài các em được trải nghiệm, được gắn bó với môi trường tự nhiên và xã hội, giúp HS có khái niệm cụ thể, tường minh về sự vật, hiện tượng nên các em nắm bài tốt hơn, bền vững hơn. Hình thành cho các em phương pháp quan sát, phân tích, tổng hợp những thông tin thu được trong quá trình quan sát, trải nghiệm. Dạy học ngoài thiên nhiên có ý nghĩa to lớn đối với việc hình thành và phát triển nhân cách cho HS. Chính những trải nghiệm cùng thiên nhiên, môi trường giúp hình thành nơi các em tình yêu với thiên nhiên, với môi trường sống xung quanh, từ đó các em có ý thức bảo vệ môi trường, các em có cơ hội được bộc lộ sở thích, cá tính. Qua đó giúp hình thành và phát triển phẩm chất, nhân cách cho các em một cách tự nhiên, đáng yêu.

Trong chương trình giáo dục Tiểu học hiện nay, nhiều nội dung trong phân môn Tập làm văn, Khoa học, Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử và Địa lí,... gắn liền với môi trường địa phương nơi các em đang sống. Dạy học ngoài thiên nhiên là hình thức tốt để thực hiện mối liên hệ giữa lí luận và thực tiễn. Các tiết học được tổ chức ngoài thiên nhiên với hình thức đa dạng, phong phú (chơi trò chơi, thực hành, ...)

giúp HS không nhàm chán, kiến thức của bài học được rút ra một cách nhẹ nhàng, chủ động, thực tế nên các em hiểu sâu và nhớ lâu.

Quy trình xây dựng một bài học ngoài không gian lớp học (dạy học ngoài thiên nhiên) thường được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Xây dựng kế hoạch tổ chức bài dạy ngoài thiên nhiên.

Hiệu quả của việc tổ chức hoạt động học tập ngoài thiên nhiên phụ thuộc rất lớn vào công tác chuẩn bị. Vì vậy, trong bước này, GV cần:

Xây dựng kế hoạch tổ chức bài dạy ngoài thiên nhiên thật chu đáo: Xác định rõ mục đích, yêu cầu của "hoạt động học tập ngoài thiên nhiên"..Xây dựng nội dung dạy học ngoài thiên nhiên.

Đến địa điểm sẽ tổ chức hoạt động học tập ngoài thiên nhiên để nghiên cứu cụ thể đối tượng học tập, bổ sung thêm các đồ dùng, phương tiện dạy học cần thiết cho việc tiến hành hoạt động học tập ngoài thiên nhiên. Địa điểm tổ chức giờ học có thể là sân trường, vườn trường, công viên, làng nghề,...

Xác định phương tiện di chuyển HS đến địa điểm tổ chức hoạt động học tập ngoài thiên nhiên. Phương tiện di chuyển có thể là đi bộ, đi ô tô tùy thuộc vào địa điểm dạy học.

Xác định thời gian giảng dạy ngoài thiên nhiên cho phù hợp (tránh dạy vào lúc trời nắng gắt: tiết 3, 4 buổi sáng hay tiết 1, 2 buổi chiều). Ngoài ra, GV còn cần xác định rõ thời gian di chuyển HS, thời gian giảng dạy, thời gian cho từng hoạt động của tiết học và thời gian đưa HS về.

Phổ biến kế hoạch học tập ngoài thiên nhiên cho HS một cách đầy đủ, rõ ràng trước hôm tiến hành học tập ngoài thiên nhiên để HS có tâm thế tốt và chuẩn bị tư liệu/ đồ dùng cần thiết.

Dự kiến cách quản lí HS: học tập ngoài thiên nhiên không gian rộng, có nhiều yếu tố bên ngoài tác động đến sự tập trung chú ý của các em. Vì vậy, GV cần dự kiến quản lí HS trong quá trình di chuyển đến địa điểm dạy học, trong quá trình học và khi di chuyển HS về lớp.

Dự kiến phương án thay thế khi điều kiện thời tiết không thuận lợi: thời tiết mưa, quá nắng,...

Bước 2: Tiến hành dạy học ngoài thiên nhiên:

Một tiết học ngoài thiên nhiên thường được tổ chức theo tiến trình sau:

GV nêu vấn đề cho HS tri giác trực tiếp vật thật (sự vật, hiện tượng) của bài học tại địa điểm dạy học.

GV đặt câu hỏi gợi ý để HS có hướng suy nghĩ nhằm đưa ra được những nhận xét về sự vật, hiện tượng, GV định hướng cho HS phương pháp thu thập thông tin để đạt được mục tiêu đề ra, khuyến khích HS tư duy, phân tích bằng cách đặt và trả lời câu hỏi: Tại sao/ Vì sao? Như thế nào?

HS thảo luận nhóm (dựa trên quan sát vật thật, thí nghiệm, ..) để giải quyết vấn đề GV nêu.

GV hướng dẫn HS báo cáo kết quả quan sát, thu thập rồi rút ra kết luận.

GV nhận xét, bổ sung và chốt kết luận đúng.

GV tổ chức các hoạt động để HS được thực hành củng cố, khắc sâu kiến thức bài học.

Bước 3: Tổng kết

GV chú ý cung cấp/ định hướng một số nguồn khác để HS có cơ hội khám phá thêm nội dung liên quan đến bài học.

GV, HS cùng đánh giá về hiệu quả của bài học đối với bản thân, rút xa bài học liên hệ bản thân.

Trong một số tiết học giáo viên có thể lồng hoạt động trải nghiệm vào một phần của nội dung tiết học và được tổ chức học ngoài lớp học:

Ví dụ: Trong bài 100 “oi - ây ” (SGK Tiếng Việt lớp 1 tập 2 bộ Cánh Diều) có thể cho học sinh quan sát cây tại sân, vườn trường. Khi đó sau khi được quan sát cây xong, giáo viên có thể giao nhiệm vụ cho HS về nhà vẽ lại cây mà mình được quan sát ngày hôm nay.

Bài 100

oi ây

1. Làm quen

 **con voi**

 **cây dừa**

2. Tiếng nào có vần **oi**? Tiếng nào có vần **ây**?

 **nhà ngói**

 **chó sói**

 **cây lúa**

 **đám mây**

 **cái còi**

 **nhảy dây**

oi ây

14

Tiểu kết chương 2

Với cách thiết kế nội dung dạy học có tính tích hợp liên môn cao và phương pháp dạy học hiện đại, Tiếng Việt 1 không chỉ giúp học sinh học tiếng Việt mà còn được tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh; trao đổi các ý tưởng, tham gia các hoạt động tương tác; có cơ hội kết nối với trải nghiệm cá nhân trong tiếp cận cái mới, phát triển cá tính lành mạnh và tư duy độc lập. Theo yêu cầu của chương trình mới, Tiếng Việt 1 chú ý dành thời gian cho hoạt động đọc mở rộng. Đây là hoạt động tạo cho các em có được cơ hội tự tìm thêm sách để đọc theo sở thích của bản thân với sự hướng dẫn, hỗ trợ và kiểm tra của giáo viên. Thực tế cho thấy những nội dung hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp trước kia không giúp ích hoàn toàn cho các em học sinh trong trường mà chỉ giúp cho một nhóm nào đó có điều kiện được tham gia. Còn với những em nhút nhát, ngại giao tiếp thì đối với việc tham gia hoạt động trải nghiệm có thể có hoặc không tham gia bởi đây không phải là một hoạt động bắt buộc. Hiện nay, các bộ sách mới được biên soạn đều đã đưa hoạt động trải nghiệm vào làm môn học bắt buộc từ đó hình thành cho các em học sinh những thói quen, kỹ năng, phẩm chất cần thiết cho quá trình trưởng thành sau này. Khi tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh giáo viên cần đảm bảo những yêu cầu cơ bản như khung logic của các hoạt động trong một chủ đề hoạt động trải nghiệm, sự trải nghiệm của học sinh và đặc biệt là mỗi trường để học sinh có thể thỏa sức sáng tạo. Có rất nhiều cách để tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Học vẫn nói riêng cũng như các bộ môn khác của chương trình giáo dục hiện nay nói chung, nhưng người giáo viên cần phải biết kết hợp các hình thức khác nhau và hiểu rõ những đặc điểm về tâm sinh lí học sinh của mình để có thiết kế những hoạt động trải nghiệm phù hợp nhất.

CHƯƠNG 3: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Mục đích

- Bước đầu kiểm chứng tính khả thi của các giải pháp đề xuất ở chương 2
- Từ việc nghiên cứu, giáo viên cần áp dụng vào thực tế để khảo sát đánh giá kết quả của mình. Từ đó có những bước điều chỉnh cho phù hợp với tình hình giảng dạy.
- Nhận biết được giáo viên có những hạn chế gì trong quá trình thiết kế các hoạt động trải nghiệm trong dạy học phân môn Âm văn.
- Chưa hiểu rõ khái niệm “hoạt động trải nghiệm” một cách đầy đủ, chưa bám sát vào mục tiêu của bài học.
- Phương pháp dạy của giáo viên vẫn còn hạn chế và chưa phù hợp.

3.2. Địa điểm và thời gian

- Thời gian: 26/10/2020 đến tháng 18/12/2020
- Địa điểm: Trường Tiểu học Nghĩa Tân

3.3. Đối tượng

- Học sinh lớp 1

3.4. Nội dung

Thiết kế bài giảng đối chứng

Bài 77: ang – ac



I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Nhận biết các vần ang, ac; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có các vần: ang, ac
- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần ang, vần ac.
- Đọc đúng bài Tập đọc: Nàng tiên cá.
- Viết đúng các vần: ang, ac, tiếng thang, vạc.

2. Kỹ năng:

–Biết ngắt hơi ở chỗ có dấu phẩy, dấu kết thúc câu.

3. Thái độ

– Giáo dục học sinh tình yêu thiên nhiên

- Yêu thích môn học
- 4. Năng lực – phẩm chất
 - Khởi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.
 - Kiên nhẫn, biết quan sát, trình bày đẹp bài tập viết.
 - Hợp tác có hiệu quả với các bạn trong nhóm, trong tổ, trong lớp.

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên:

- Bài giảng điện tử, SGK
- Tranh, Video được quay sẵn về giàn mướp.
- Tranh ảnh về nhà hát, thợ hàn, màn, con ngan, cái bát, hạt đỗ, quả nhãn.

2. Học sinh:

- SGK

III. Các hoạt động dạy và học

1. Kiểm tra bài cũ (3’):

- HS đọc bài: Lướt ván.

2. Bài mới: (29’)

NỘI DUNG	HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
a. Giới thiệu bài	TIẾT 1 - Hôm nay các em cùng học vần mới: ang, ac. <i>* Bài tập 1</i>	-HS lắng nghe.
b. Chia sẻ và khám phá	Dạy vần ang - Chia sẻ: GV chỉ từng chữ a, ng - Khám phá: GV đưa ra hình ảnh cái thang và hỏi: + Đây cái gì? - Phân tích: Tiếng thang có âm th đầu,	- Cả lớp đọc: ang - HS quan sát + Cái thang.

	văn ang sau. - GV giới thiệu mô hình văn ang	- Đánh văn, đọc tron ang.
--	---	---------------------------

<p>c. HD thực hành, luyện tập</p>	<p>- GV giới thiệu mô hình tiếng thang.</p> <p>Dạy vần ac:</p> <p>- Chia sẻ: GV chỉ từng chữ a-c</p> <p>- Khám phá: Đưa ra hình ảnh con vạc + Đây là con gì?</p> <p>- Phân tích: Tiếng vạc có âm đầu v vần ac, dấu nặng đặt dưới chữ a.</p> <p>- GV giới thiệu mô hình vần ac.</p> <p>- GV giới thiệu mô hình tiếng vạc. *Củng cố: các em vừa học vần mới và tiếng mới là gì?</p> <p>a. Mở rộng vốn từ: (BT2)</p> <p>- Tiếng nào có vần ang? Tiếng nào có vần ac?</p> <p>- GV y/c HS đọc từ ngữ và quan sát tranh minh họa.</p> <p>- GV y/c HS nối trong SGK</p> <p>- Ngoài những tiếng có vần ang, ac có trong SGK, các em hãy tìm những từ có vần ang, ac ngoài sách.</p>	<p>b. Tập viết: (Bảng con-BT4)</p> <p>*GV viết bảng: ang, ac, thang, vạc.</p> <p>- Viết mẫu từng chữ và tiếng trên bảng vừa hướng dẫn quy trình.</p>
--	---	---

- Đánh vần, đọc trơn thang.

- Đánh vần, đọc trơn vạc.

- Vần ang, ac và tiếng thang, vạc. Cả lớp đọc

- HS quan sát

+ Con vạc

- Đánh vần, đọc trơn ac.

- HS đọc từng từ ngữ, quan

sát tranh.

- Làm bài tập trong SGK

- Tiếng bác có vần ac, tiếng vàng có vần ang....

- HS lấy bảng con.

- Viết bảng con.

Thiết kế bài giảng thử nghiệm

Bài 77: ang – ac



I. Mục tiêu

1. Phát triển các năng lực đặc thù- năng lực ngôn ngữ

- Nhận biết các vần ang, ac; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có các vần: ang, ac
- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần ang, vần ac.
- Đọc đúng bài Tập đọc: Nàng tiên cá.
- Viết đúng các vần: ang, ac, tiếng thang, vạc.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất.

- GDHS: tình yêu thiên nhiên, khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế

II. Đồ dùng dạy học

1. Giáo viên:

- Bài giảng điện tử
- Bảng cài, bộ thẻ chữ.
- SGK

2. Học sinh:

– SGK, bảng con.

III. Các hoạt động dạy và học

Nội dung – Thời gian	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (3 phút)	<p>– GV cho HS chơi trò Chiếc nón kì diệu: <i>"Bạn nào tham gia chơi sẽ được quay chiếc nón kì diệu. Khi vòng quay dừng lại, mũi tên chỉ vào ô nào thì ô đó sẽ xuất hiện tiếng, từ và yêu cầu người chơi đọc to tiếng từ đó. Người chơi đọc đúng sẽ được nhận được một phần thưởng. Nếu người chơi đọc sai, quyền chơi sẽ nhường cho người tiếp theo." Lớp mình đã sẵn sàng chưa".</i></p> <ul style="list-style-type: none">+ Thang, vạc+ Bác sĩ, cá vàng.+ Con hạc, dưa gang+ Bản nhạc, chở hàng <p>– GV gọi HS nhận xét các bạn đọc</p>	<p>– HS lắng nghe</p> <p>– HS đọc</p> <p>– HS lắng nghe</p>

<p>2. Bài mới</p> <p>❖ Giới thiệu bài</p> <p>(2 phút</p> <p>✓ Đọc theo đoạn</p> <p>❖ Bài mới</p> <p>✓ Luyện đọc từ</p> <p>✓ Đọc nối tiếp câu</p>	<ul style="list-style-type: none">- Chúng ta cùng học tiết 2 của bài ang – ac nhé- GV yêu cầu HS quan sát tranh và cho biết trong tranh có những nhân vật nào?- GV nhận xét- Bây giờ cả lớp mình sẽ cùng nhau tìm hiểu về nàng tiên cá trong bài tập đọc ngày hôm nay nhé.- GV đọc mẫu 1 lần- GV hỏi HS trong bài có những từ nào chứa vần ang- GV nhận xét, và cho HS đọc các từ có chứa vần ang vừa tìm được.- GV hỏi HS trong bài có mấy câu?- GV gọi HS lần lượt đọc từng câu trong bài. Chú ý bạn đầu tiên sẽ đọc cả tên bài.- GV nhận xét- HS đọc nối tiếp câu lần 2- GV: Một bạn cho cô biết trong bài Tập đọc này có mấy đoạn?
--	---

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none">– GV yêu cầu HS đọc theo từng đoạn– GV yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm 2– GV gọi một số nhóm lên đọc lại bài | <ul style="list-style-type: none">– HS lắng nghe– HS quan sát và trả lời trong tranh có năng tiên cá.– HS lắng nghe– HS lắng nghe |
|---|--|

- HS đọc thầm
- HS trả lời: nàng, nàng.
- HS đọc

- HS trả lời: 8 câu
- 8 HS đọc từng câu có trong bài.
- HS lắng nghe
- HS đọc
- HS trả lời: 2 đoạn

- 2 HS đọc
- HS luyện đọc theo nhóm trong vòng 2'

<p>✓ Đọc cả bài</p>	<ul style="list-style-type: none">– GV nhận xét– GV gọi 1 HS đọc lại cả bài– GV yêu cầu cả lớp đọc đồng thanh– GV hỏi: " Lớp mình có thấy bài tập đọc mà chúng ta học ngày hôm nay có hay không nào? Bây giờ cô và các con hãy cùng nhau biến bài Nàng tiên cá trở thành một vở kịch nhé! Một bạn cho cô biết trong vở kịch này nhân vật chính là ai?	<ul style="list-style-type: none">– Các nhóm lên trình bày tác phẩm của mình.– GV nhận xét và yêu cầu lớp chọn ra nhóm diễn hay nhất.– Vừa rồi cô thấy lớp mình bạn nào ai
<p>✓ Áp dụng hoạt động trải nghiệm bằng hình thức sân khấu hóa kết hợp đóng vai</p>	<ul style="list-style-type: none">– Đúng rồi các con ạ, nhân vật chính của vở kịch này là nàng tiên cá ngoài ra các con có thêm các nhân vật khác như bạn cá vàng, cá ngựa, cua,... Lớp mình chú ý khi các con xây dựng lời cho các nhân vật hãy sử dụng các từ có chứa vần ang và vần ac mà chúng ta đã được học ngày hôm nay nhé!– Bây giờ lớp mình sẽ thảo luận nhóm 4 trong vòng 5 phút rồi sau đó các nhóm sẽ lên trình bày tác phẩm của nhóm mình.	

- 2 – 3 nhóm đọc
- HS lắng nghe
- 1 HS đọc
- Lớp đọc đồng thanh
- HS lắng nghe và trả lời nhân vật chính là nàng tiên cá.
- HS lắng nghe
- HS thảo luận nhóm
- HS quan sát
- Lớp chọn ra nhóm diễn hay nhất.

<p>✓ Tìm hiểu bài</p> <p>✓ Tập viết</p> <p>3.Củng cố - dặn dò</p>	<p>cũng đều rất giỏi, cô khen các con!</p> <ul style="list-style-type: none"> – GV đọc yêu cầu của bài tập – Yêu cầu HS nói các ý đúng với nhau – GV cho HS đọc lại các câu vừa được ghép. – GV hỏi: Các con thấy nàng tiên cá là người như thế nào? – GV yêu cầu HS đọc nội dung phần tập viết – GV hướng dẫn cách viết – GV yêu cầu HS viết vào bảng con – GV nhận xét, chữa lỗi sai và khen các bài viết đẹp. – GV nhận xét tiết học. – Nhắc nhở HS về đọc lại bài ngày hôm nay và chuẩn bị cho bài sau 	<ul style="list-style-type: none"> – HS lắng nghe – HS nói – HS đọc – Nàng rất nhân hậu và thích ca hát. – HS đọc – HS quan sát, lắng nghe – HS viết vào bảng con – HS quan sát, lắng nghe – HS lắng nghe
---	--	--

3.5. Kết quả

- Lớp thử nghiệm: Số lượng học sinh trả lời đúng câu hỏi cao hơn hẳn so với lớp đối chứng. Các em có hứng thú tham gia các hoạt động học tập hơn (**phụ lục 4**)
- Việc áp dụng các biện pháp mới cùng phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực và sử dụng các hình thức học tập trải nghiệm đã giúp cho các em học sinh nâng cao được hiệu quả học âm văn, đồng thời giúp giáo viên dễ dàng giảng dạy truyền thụ kiến thức hơn cho học sinh so với cách giảng dạy truyền thống.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Như vậy, ở chương 3, tôi đã tiến hành thực nghiệm tại lớp 1 của trường Tiểu học Nghĩa Tân để so sánh, đối chiếu kết quả sau khi áp dụng các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm vào bài dạy Âm vần cho học sinh lớp 1. Thông qua quá trình thực nghiệm, tôi nhận thấy rằng việc chỉ dạy theo lối truyền thụ một chiều, bám sát sách SGK sẽ không đạt được hiệu quả cao như khi áp dụng các hình thức học thông qua trải nghiệm. Với việc dạy thông thường, các em sẽ chỉ biết đến các tiếng các từ mà SGK đã cho sẵn chứ chưa hoàn toàn hiểu hết mình có thể sử dụng các tiếng, các từ đây trong hoàn cảnh nào. Nhìn chung việc áp dụng các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm trong bài dạy Âm vần đã mang lại kết quả khá tốt khi số lượng học sinh tích cực tham gia xây dựng bài, trả lời các câu hỏi mà giáo viên đưa ra ở lớp thực nghiệm cao hơn so với lớp đối chứng. Tuy nhiên, để có thể đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình dạy học, tôi cho rằng rất cần những ý kiến đóng góp từ các thầy cô giáo, những người có chuyên môn giúp đỡ tài của tôi trở nên hoàn thiện hơn.

KẾT LUẬN

Với mục tiêu “Chuyên mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn...” của Nghị quyết Trung ương 29 về đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT đã đặt ra cho các nhà lý luận dạy học về đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức dạy học sao cho hiệu quả nhất. Một trong những cách học phát huy được vai trò chủ động, tích cực, sáng tạo đó chính là học qua trải nghiệm

Trải nghiệm sáng tạo là một vấn đề khá mới mẻ trong hoạt động dạy - học ở nhà trường phổ thông Việt Nam. Việc tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo hiện nay vẫn còn gặp một số khó khăn do đòi hỏi phải huy động thêm nhiều thời gian, công sức, điều kiện về cơ sở vật chất,) có hoạt động cần có cả sự tham gia của một số lực lượng xã hội),... so với việc dạy - học thông thường, ngoài ra còn do tâm lý e ngại với cái mới của một bộ phận giáo viên. Tuy nhiên, nếu thực hiện một cách nghiêm túc thì hoạt động trải nghiệm sáng tạo sẽ mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho học sinh. Các em có thêm cơ hội để khám phá, trải nghiệm, thể hiện bản thân, phát triển toàn diện nhân cách. Thông qua hoạt động trải nghiệm, học sinh biết rung cảm với cảnh quan, di tích, truyền thống của địa phương, đất nước. Bước đầu nhận ra được ý nghĩa và giá trị của bản thân và những người thân; quan tâm đến sức khoẻ thể chất và tinh thần của bản thân và người thân; có cư xử đúng mực với bản thân và mọi người. Thể hiện trách nhiệm trong học tập và rèn luyện của bản thân, trách nhiệm với người thân và cuộc sống sinh hoạt gia đình, tuân thủ các quy định nơi công cộng. Trung thực với bản thân và người khác. Chăm chỉ, tự giác trong học tập, lao động và rèn luyện.

Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành các kỹ năng sống cơ bản, thói quen sinh hoạt tích cực trong cuộc sống hằng ngày, nền nếp học tập ở nhà cũng như ở trường; biết tuân thủ các nội quy, quy định; bắt đầu có định hướng tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân; hình thành những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá; có ý thức làm việc nhóm, ý thức tham gia hoạt động lao

động, hoạt động xã hội, hoạt động phục vụ cộng đồng; bước đầu biết cách tổ chức một số hoạt động đơn giản, làm quen và hình thành hứng thú với một số nghề gần gũi với cuộc sống của học sinh.

Bài nghiên cứu trên đã tổng hợp lại một số nghiên cứu về vấn đề hoạt động trải nghiệm của những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Đồng thời bài nghiên cứu cũng quan tâm đến cơ sở lý luận cũng như cơ sở thực tiễn của việc xây dựng các hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 1 thông qua dạy Âm vắn. Từ đó, tiến hành tìm hiểu thực trạng dạy của GV và học của HS lớp 1. Thông qua khảo sát, tôi nhận thấy việc dạy đọc hiểu ngày nay vẫn còn quá bám sát SGK, chưa thực sự đổi mới, phương pháp dạy chưa phong phú và đa dạng. Thông qua bài nghiên cứu trên tôi đã thiết kế một số hình thức phù hợp để nâng cao hiệu quả việc dạy và học thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 1, giúp cho việc giảng dạy của giáo viên thêm phong phú, đa dạng phù hợp với sự đổi mới của giáo dục phổ thông hiện nay. Tuy nhiên thực tế cho thấy không có phương pháp nào là vạn năng cả mà điều quan trọng là người giáo viên phải biết lựa chọn, vận dụng các biện pháp linh hoạt hài hoà, hợp lý thì quá trình giảng dạy mới đạt hiệu quả cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ GD-ĐT (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- [2] Bộ GD-ĐT (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông; hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- [3] Bộ GD-ĐT (2018), *Tài liệu tập huấn hướng dẫn thực hiện chương trình hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*, NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 1 (tập 1,2)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Dung (2016), *HĐTN trong thực tiễn DHTV ở Tiểu học*, Hội thảo Sau Đại Học – Khoa Ngữ Văn, Trường ĐHSP Hà Nội.
- [6] Bùi Mạnh Hùng (2020), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 1 (tập 1,2) bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] Dương Giáng Thiên Hương (2017), *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo – Lý thuyết và vận dụng trong dạy học tiểu học*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, No.1A, Vol.62
- [8] Nguyễn Thị Liên (2016), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo*, NXB Giáo dục Việt Nam
- [9] Lê Phương Nga, Đặng Kim Nga (2000), *Giáo trình Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học*, NXB Giáo dục.
- [10] Cao Đức Tiến, Dương Thị Hương, *Giáo trình văn học*, NXB Giáo dục, NXB Đại học sư phạm.
- [11] Hoàng Thị Tuyết (2012), *Lí luận dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB Thời đại.

[12]

Nguyễn Minh Thuyết (2017), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018*. 67

[13] Nguyễn Minh Thuyết (2020), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 1 (tập 1,2) bộ Cánh Diều*, NXB Đại Học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, NXB Thông tin và truyền thông.

[14] Nguyễn Sỹ Thư, Đinh Thị Kim Thoa (2013), *Phát triển năng lực giáo dục học sinh*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[15] Nguyễn Trí (2009), *Một số vấn đề dạy học Tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp*, NXB Giáo dục Việt Nam.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: KHẢO SÁT GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC NGHĨA TÂN KHI SỬ DỤNG BỘ SÁCH CÁNH ĐIỀU

Phiếu khảo sát (1)

Nhận xét khi dạy phần Âm vần bằng SGK Tiếng Việt bộ Cánh điều

(Dành cho giáo viên tiểu học)

Họ tên giáo viên:

Đơn vị công tác:

Khối lớp giảng dạy:

Anh (chị) bắt đầu sử dụng bộ Cánh điều để giảng dạy cho học sinh lớp 1 từ lúc nào

.....

1. Trong quá trình dạy học phần âm vần anh (chị) có khó khăn, thuận lợi gì?

Thuận lợi:

.....

.....

Khó khăn:

.....

.....

2. Anh (chị) thấy SGK Tiếng Việt bộ Cánh điều có hình thức như thế nào?

.....

.....

3. Anh (chị) thấy việc sắp xếp thứ tự các âm vần trong sách có hợp lí không?

.....

.....

4. Anh (chị) thấy phần nội dung của sách có hấp dẫn, thể hiện đúng và đầy đủ đặc trưng của môn học không?

.....
.....
5. Anh (chị) thấy ngôn ngữ sử dụng có hợp lí, gần gũi phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí học sinh lớp 1 không?

.....
.....
6. Về tiến trình dạy học, anh (chị) thấy sự sắp xếp như SGK có phù hợp với nhận thức của học sinh không?

Phiếu khảo sát (2)
Đánh giá về SGK Tiếng Việt lớp 1 bộ Cánh diều

Trường:

Họ tên:

Lớp:.....

1. Em có thích học các bài âm vần trong sách không ?

Không

Có

2. Em đã từng đọc các SGK Tiếng Việt khác chưa?

Có

Không

3. Em thấy SGK Tiếng Việt có tranh ảnh, hình minh họa như thế nào? (Chọn nhiều đáp án)

Đẹp Phong phú Bình thường Xấu 4. Em thấy các từ

ngữ, nội dung bài tập đọc có hay không? Có Không

5. Em có muốn được dạy học và sử dụng SGK Tiếng Việt lớp 1 bộ Cánh Diều để học Âm vần không?

Có

Không

PHỤ LỤC 2: KHẢO SÁT ÁP DỤNG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM VÀO DẠY HỌC ÂM VẦN ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

Phiếu khảo sát (3)

Nhu cầu sử dụng hoạt động trải nghiệm vào dạy học Âm vần ở Tiểu học
(Dành cho giáo viên tiểu học)

Họ tên giáo viên:

Đơn vị công tác:

Khối lớp giảng dạy:.....

1. Anh (chị) hiểu thế nào là hoạt động trải nghiệm?

.....
.....

2. Trong quá trình dạy, anh (chị) có áp dụng hoạt động trải nghiệm vào môn học nào không?

.....
.....

3. Anh (chị) gặp khó khăn gì trong quá trình áp dụng hoạt động trải nghiệm?

.....
.....

4. Anh (chị) có biết đến các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm vào dạy Âm vần trước khi làm khảo sát không?

Chưa Đã từng nghe Hiểu rõ về các hình thức áp dụng

5. Anh (chị) có nhu cầu sử dụng các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm vào dạy học Âm vần cho học sinh lớp 1 không?

Có

Không

71

**Phiếu
khảo sát (4)**

Nhu cầu mong muốn được học các tiết Âm vắn thông qua HĐTN

Trường:

Họ tên: Lớp:

1. Em có thích được tự mình trải nghiệm những kiến thức đã được học không?

2. Em đã từng học tiết có áp dụng hoạt động trải nghiệm nào chưa?

3. Em hãy đánh giá mức độ được học tập thông qua trải nghiệm của mình ở lớp?

Rất ít **Thi thoảng** Thường xuyên Không bao giờ

4. Qua các hoạt động trải nghiệm được áp dụng trong các giờ học, em học được những kiến thức, hay bài học gì ?

5. Em có muốn được dạy học và áp dụng các hình thức học thông qua trải nghiệm trong dạy học Âm vắn không?

Có Không

**PHỤ LỤC 3: PHIẾU KHẢO SÁT HỌC SINH SAU KHI ÁP DỤNG
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM VÀO BÀI DẠY**

Đánh giá về tiết dạy bài ang – ac	
Trường:	
Họ tên:	Lớp:.....
1. Em có thích bài học ngày hôm nay không ?	
<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
2. Em thấy bài học có thú vị không ?	
<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không
3. Sau bài học em có thể đọc đúng và kể tên các tiếng có chứa vần ang – ac không?	
<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Một chút
Không	
4. Qua việc diễn lại bài Tập đọc Nàng tiên cá em học thêm được những điều gì ?	
.....	
5. Em có muốn được tiếp tục áp dụng các hoạt động trải nghiệm vào bài học Âm vần không?	
<input type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không

